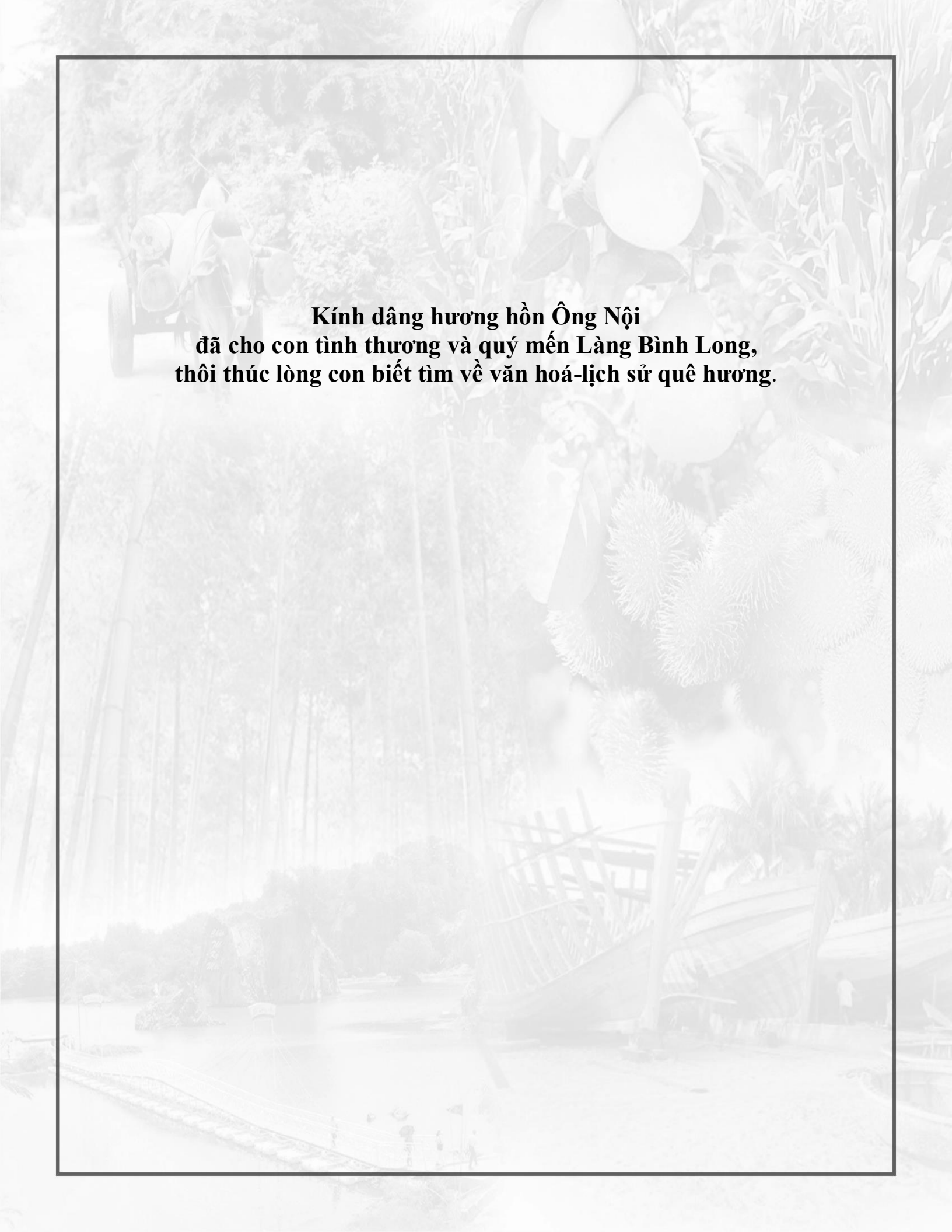


# *Làng Bình Long*

## ĐỊA DANH VÀ CON NGƯỜI



*Tủ Sách Văn Hoá - Hội Ái Hữu Biên Hoà  
Houston, Texas. USA*



**Kính dâng hương hồn Ông Nội  
đã cho con tình thương và quý mến Làng Bình Long,  
thôi thúc lòng con biết tìm về văn hoá- lịch sử quê hương.**

# Lời Dẫn Nhập

Tập tài liệu *Làng Bình Long* là những chuyến du khảo thực tiễn, góp nhặt những câu chuyện kể của các bậc cao niên, rồi đối chiếu trong sách vở, bởi nhận định từ câu:

**“Trăm năm bia đá cũng mòn  
Ngàn năm bia miệng hãy còn lưu danh.”**

Nay tôi thực hiện quyển tài liệu này dựa trên những lời thuật miệng là chủ yếu, nhưng cũng chọn lọc và xem xét thông qua sách vở và các cứ liệu đáng tin cậy. Là con dân trong vùng đất Bình Long, tuy không sinh ra nhưng bản thân tôi đã lớn lên từ vùng đất này, mang nhiều hoài niệm về những lời kể của ông tôi cùng những người lớn tuổi.

Với tấm lòng yêu mến quê hương, cùng niềm say mê với văn hoá - lịch sử, nay tôi cố gắng tập hợp và viết lại những gì nghe được, thấy được về làng Bình Long, như cố gắng khắc hoạ lại những nét chấm phá về diện mạo của vùng đất mới, tồn tại cũng ngót hơn hai trăm năm. Tôi không có ước vọng làm một quyển địa chí về làng Bình Long, mà chỉ muốn ghi lại những gì trong tầm hiểu biết, nhằm góp phần bảo vệ những giá trị văn hoá đang dần chìm vào quên lãng và đồng thời giới thiệu đến các bạn trẻ về quá trình hình thành vùng đất mà các bậc tiền nhân đã bỏ bao công lao gầy dựng để chúng ta có được hôm nay.

Làng Bình Long, nay đã được đổi thành Khu Phố I, thuộc Phường Bửu Hoà, nhưng những tên gọi: *Xóm Rạp Hát, Xóm Bánh Phồng, Chợ Đồn Cũ...* vẫn còn vang vọng mãi trong lòng người dân xưa nay, như một điều gì đó in đậm trong tâm hồn yêu quê hương của dân chúng trong vùng. Làng Bình Long đã qua hơn hai trăm năm hình thành, phát triển và ngày càng đổi thay hơn nữa.

Tập tài liệu này chỉ trong thời lượng giới hạn cũng chỉ nêu lên những nét chính, những địa danh, di tích, một số gia đình, nhân vật tiêu biểu... vẫn còn rất nhiều những địa danh, nhân tài vang danh trong vùng đất này mà chưa có dịp để đề cập hết. Mong rằng qua từng câu chữ thuật lại chuyện xưa, tích cũ có thể giúp người đọc, đặc biệt là thế hệ trẻ đang cư ngụ tại nơi đây, có thể xác định và hiểu rõ phần nào về vùng đất hiện đang sinh sống, càng thêm yêu những giá trị văn hoá của quê nhà Biên Hoà.

Hy vọng tập tài liệu này có thể góp một chút sức lực nhỏ nhoi, tô vẽ lại phần nào diện mạo của vùng đất từ thuở khai hoang, lập ấp cho đến hôm nay. Nhưng vì sự việc và diễn biến trải qua lịch sử cũng khá lâu, các bậc lão niên cũng đã già yếu nên không tránh khỏi những sai sót, kính mong quý vị lượng thứ và đóng góp ý kiến để tôi có thể bổ túc thêm vào những phần khiếm khuyết.

Lương Văn Tân

Tác giả giữ quyền tái bản và tác quyền.  
Mọi trích dẫn xin ghi rõ xuất xứ.

# MỤC LỤC

<b>I. Địa Thế.....</b>	<b>3</b>
<b>II. Lịch Sử Hình Thành.....</b>	<b>3</b>
<b>III. Phong Tục – Tôn Giáo.....</b>	<b>6</b>
<b>IV. Địa Danh – Di Tích.....</b>	<b>11</b>
1. Bến Đò Ngựa.....	11
2. Tổ Đình Long Thiên.....	13
3. Chùa Long Tân – Tự Hút Gió.....	19
4. Miếu Năm Ông.....	21
5. Đình Bình Long.....	26
6. Trạm Xá.....	38
7. Rạp Hát Phước Chung.....	38
8. Miếu Bà Ngũ Hành.....	39
9. Nhà Hội Bửu Hoà – Bửu Hoà Công Sở.....	42
10. Chợ Đồn Cũ.....	44
11. Cầu Gành.....	48
<b>IV. Một Số Gia Đình – Nhân Vật Tiêu Biểu.....</b>	<b>52</b>
1. Họ Huỳnh - Họ Lê.....	52
2. Gia Đình Ông Hai Sao - Hai đời làm nghề bốc thuốc Bắc.....	53
3. Ông Huyện Thoại (Nguyễn Văn Thoại).....	56
4. Ông Quản Quới (Đặng Văn Quới).....	57
5. Ông Đốc Ổn (Trần Văn Ổn).....	58
6. Ông Cả Kỳ (Đỗ Văn Kỳ).....	59
<b>* Phụ lục. ....</b>	<b>60</b>
- Bánh Phồng.....	60
- Cỗ Bánh (cúng vào dịp tháng 7 Âm lịch).....	61
- Các Lò Lu - Lò Gốm.....	61
- Nhà Cổ Huyện Thoại.....	64
- Nhà Cổ Quản Quới.....	70
<b>* Ảnh Tư Liệu.....</b>	<b>75</b>

## I. ĐỊA THỂ

**Làng Bình Long** là địa danh xưa, hiện nay là *Khu Phố I*, phường Bửu Hoà, gồm hơn ba ngàn nhân khẩu.

Diện tích khoảng 37 (ha) chiếm 14% tổng diện tích phường Bửu Hoà (4,2km<sup>2</sup>). Địa thế hiện nay trải dài từ khu vực chùa Long Thiên cấp theo hướng bờ sông Đồng Nai và Liên Tỉnh Lộ 16 đến giáp ranh Cầu Gành; phía Bắc giáp sông Đồng Nai, phía Nam giáp đường Bùi Hữu Nghĩa, phía Tây giáp xã Hoà An và hướng Đông giáp Quốc Lộ 1A, đoạn chạy từ Cầu Gành qua phường Bửu Hoà.

Nhìn từ không ảnh địa thế làng Bình Long có hình thang, đáy lớn ở khu vực chùa Long Thiên, còn đáy bé ở Cầu Gành. Đất đai tương đối màu mỡ nhưng chủ yếu là đất thổ, ít ruộng lúa chỉ có một phần phía sau chùa Long Thiên (nay cũng không còn). Đất vùng này có độ cao khoảng 2,5m so với mực nước biển, có vài chục mẫu đất trũng cốt từ 0,5m đến 1,2m, nhưng nay cũng đã thành đất ở, người dân chủ yếu lập vườn cây.

Thời xưa giao thông chính là đường sông, đoạn đường lộ nay là đường Bùi Hữu Nghĩa xưa kia do người Pháp xây dựng rất hẹp và được trải đá cuội, rất ít xe cộ qua lại. Khu vực từ chùa Long Thiên chạy dọc hai bên đường đến gần Chợ Đồn Cũ nhà cửa rất thưa thớt, xóm làng tập trung ven sông chỉ vài chục nóc gia, còn lại là các phần tranh đai mọc cao quá đầu người rất rậm rạp. Thời gian về sau, làng Bình Long còn có các lò lu, lò gạch phát triển khá mạnh. Hiện nay, do sự phát triển của dân số, đất vườn bị thu hẹp sử dụng làm đất ở và một số khu vực được sử dụng làm xưởng gôm, đan lát và các cơ sở sản xuất khác; tuy nhiên, nghề Gôm ở làng Bình Long cũng dần dà không còn nữa chỉ còn vài cơ sở sản xuất gôm như: Việt Thành, Kim Long...

## II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Làng Bình Long có lẽ là một trong những làng được hình thành trễ nhất ở Bửu Hoà, nhưng do thời gian đã quá lâu nên không ai còn nhớ làng hình thành thời gian nào, những bậc cao niên hiểu biết đều đã qua đời và cũng không truyền lại cho con cháu. Xin nêu ra ba cứ liệu xem như để có thể phần nào xác định về thời gian hình thành làng Bình Long.

- Theo sách *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức soạn thảo vào khoảng năm 1820 - 1822. Trong phần Trấn Biên Hoà - Tổng Chánh Mỹ gồm 39 thôn, xã, phường nhưng chỉ có tên hai thôn Tân Vạn và Tân Bản chưa thấy có tên Bình Long.
- Cuốn *Biên Hoà Sử Lược* của Lương Văn Lựu (xuất bản năm 1960), có ghi rõ các thôn, làng được thành lập năm 1878, trong đó Tổng Chánh Mỹ Thượng có 9 làng đứng đầu là Bình Long và Mỹ Khánh, còn hai làng Tân Bản (do Tân Bản và Tân Phú nhập lại) - Tân Vạn (do Tân Vạn và Đất Phước nhập lại).

- Theo lời kể cũng như được dịp khảo cứu hồ sơ lục bộ ghi chép thì vào thời vua Gia Long (1802-1820) làng Bình Long được thành lập sau khi đủ số năm chực hộ.

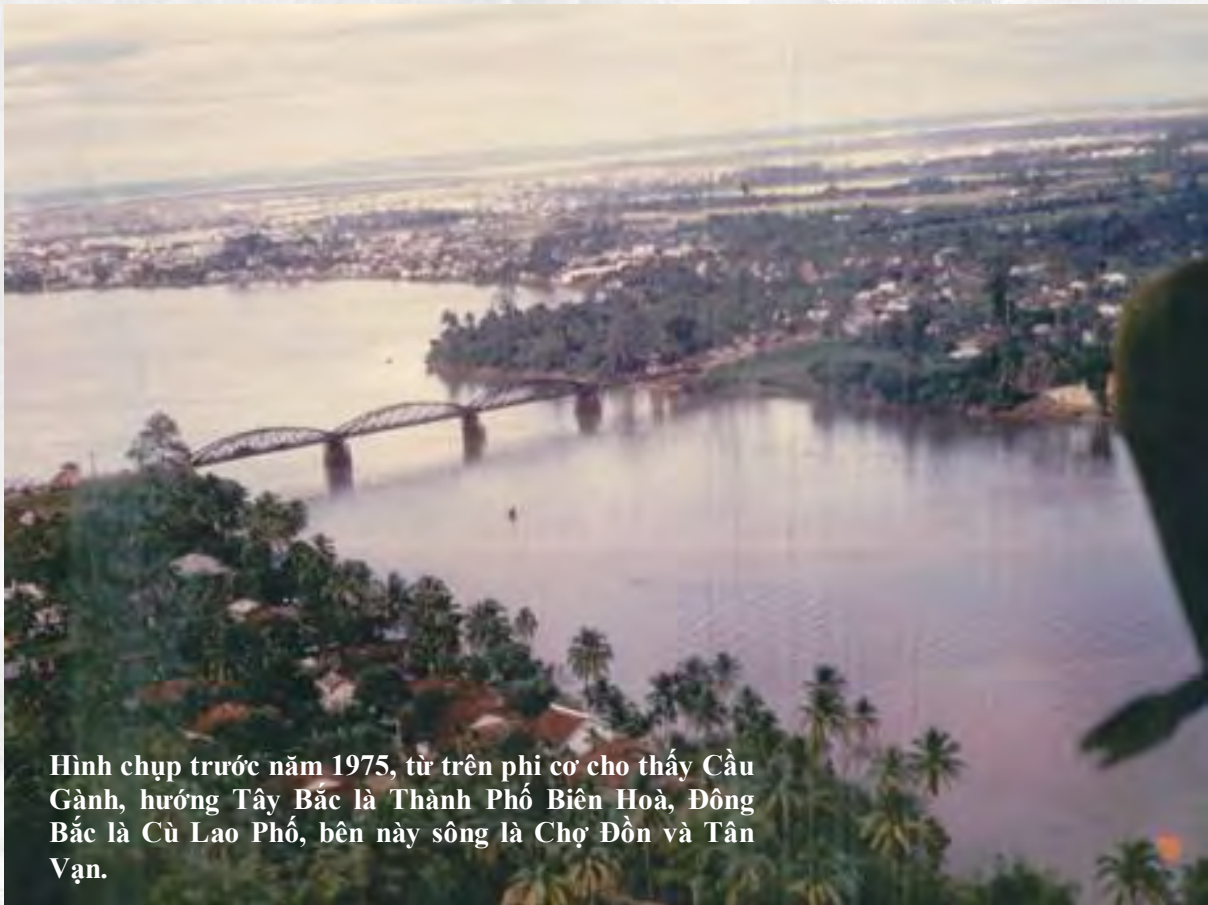
Từ những dữ liệu đã dẫn ở trên, cũng phần nào thể hiện rõ về thời gian hình thành làng Bình Long. Căn cứ vào *Gia Định Thành Thông Chí* nhưng chưa tài liệu nào xác định rõ thời điểm Trịnh Hoài Đức viết thành bộ sách, chỉ được án ngữ trong khoảng 1820 – 1822 mà vẫn chưa có làng Bình Long. Dem đối chiếu với tài liệu trong cuốn *Biên Hoà Sử Lược* của Lương Văn Lưu (xuất bản năm 1960) có bảng danh sách các làng lập năm 1878 thì có phần hợp lý về thời gian trong khoảng (1820 – 1881). Vậy có thể tạm xác định làng Bình Long được thành lập vào khoảng năm 1878.

Xin khái quát sơ lược về công cuộc hình thành dân cư trên vùng làng Bình Long, đây là những cư dân khẩn hoang, qua một thời gian sinh sống ở các nơi, nhận thấy vùng Bình Long có nhiều điều kiện thuận lợi, cận sông, lại là vùng “đất lành” nên đã tụ họp sinh sống, khai phá đất đai; đặc biệt khi hình thành Chợ Đồn, khu vực Bình Long trở nên sầm uất và phát triển hơn so với đất cũ làng Tân Bản và làng Mỹ Khánh. Nhìn chung nguồn gốc người dân nơi đây có một số là gốc người Trung Hoa và người Việt gốc Quảng Bình di dân năm 1698 theo chân Thống Suất Nguyễn Hữu Cảnh vào phương Nam. Trong khu vực làng Bình Long có hai dòng họ lớn là họ Huỳnh và họ Lê, nhưng đến nay qua bao cuộc bể dâu, thay đổi, những dòng họ nổi tiếng giờ cũng dần phai nhạt và những người dân mới di cư đến rất đông, đặc biệt vào những năm 1971 - 1972 những đợt người dân tản cư từ vùng Tân Ba, Tân Uyên... xuống đây và cư ngụ sinh sống đến nay cũng đã hơn 3 thế hệ, làm cho thành phần dân cư của làng Bình Long ngày càng phong phú, đa dạng. Nhìn chung người dân nơi đây sống hiền hoà và tương đối no đủ, không có những người bần cố nông phải đi ở đợ suốt đời. Ngày xưa, người dân chủ yếu sinh sống bằng nghề trồng trọt, trồng mía làm đường và hoa màu (vì chủ yếu là đất thổ), ngoài ra người dân còn một số nghề như làm bún như nhà ông Cả Hộ, nhà ông Sáu Tá (Ngô Văn Tá)...; đặc biệt là nghề làm bánh phồng, vào những ngày cận Tết, dịp nông nhàn, có vài gia đình như nhà bác Ba Liêng (bà Sáu Chệt), nhà ông Huỳnh Văn Cừ... làm bánh phồng nổi tiếng và sớm nhất trong vùng Biên Hoà - Gia Định. Khu vực từ đình Bình Long ngược lên đến chùa Long Tân (chùa Hút Gió) ngày xưa gọi là **Xóm Bánh Phồng**, còn thời chưa khai phá thì vùng này gọi là khu vực rừng chồi rất rậm rạp. Do là những cư dân mới nên ý thức ghi chép gia phả và lịch sử dòng họ gần như không có, chỉ còn nhớ qua các lời thuật miệng, không tránh khỏi nhiều sai sót trong quá trình ghi lại lược sử.

Thời trước, đất của làng Bình Long, bao gồm cả phần bên kia đường lộ (Tỉnh Lộ 16 - Bùi Hữu Nghĩa), ngày nay là Khu Phố 2 chạy dài đến Cầu Hang giáp ranh làng Tân Bản và dọc phường Bửu Hoà ngày nay đến sát ngã tư Chợ Đồn, đều là rừng cây hoang vu, chưa có Chợ Bửu Hoà như ngày nay. Sau khi xây dựng Cầu Gành, người Pháp đã mở thêm con đường Liên Lộ 16 dài hơn 37km nối Bửu Hoà với Phước Hoà đã chia đôi làng Bình Long. Đến thời Việt Nam Cộng Hoà, được gọi là **Ấp Bình Long**, đông dân cư hơn và phát triển rộng thêm, khu vực này được mở mang nhưng cũng còn thưa dân, chủ yếu là đất đai của các chủ đất, như Ông Đệ, Cò Mi Vạn,... Sau này ấp Bình Long đổi thành Tân Bình rồi được tách ra, phân thành Khu Phố 2, còn làng Bình Long thành Khu Phố I. Đó cũng là điều giải thích tại sao Khu Phố 2 ngày nay không có các di tích đình thần, miếu mạo.



**Làng Bình Long nằm trong khu vực tô đậm**



**Hình chụp trước năm 1975, từ trên phi cơ cho thấy Cầu Gành, hướng Tây Bắc là Thành Phố Biên Hoà, Đông Bắc là Cù Lao Phố, bên này sông là Chợ Đồn và Tân Vạn.**

### III. PHONG TỤC - TÔN GIÁO

Vì là những cư dân mới đến và là dân khân hoang lập ấp, những phong tục, lễ nghi cũng có phần giản đơn và mang tính dân gian hơn. Tuy vậy vẫn không làm mất đi tính trang trọng cũng như lòng tôn kính hướng về tổ tiên, ông bà, cha mẹ.

Tập tục mỗi lúc mỗi khác tùy vào hoàn cảnh và lối sống, song nhìn tổng thể đều mang tính tâm linh và tri ân người quá cố cũng như lòng tin vào tín ngưỡng Phật Trời và các đấng thần linh phù trợ cho vùng đất mới.

Những cư dân sống dọc theo bờ sông Đồng Nai, mỗi nhà thường có miếu thờ Bà Thủy (1) ở cạnh bên sông, như một lòng tôn kính đối với Mẹ Thiên Nhiên nơi sinh hoạt thường ngày của gia đình. Mỗi năm cúng *Vía* vào tháng Ba (Âm Lịch), cứ ba năm thì cúng *Rồi* một lần (hình thức cúng có kèm theo hát lễ và múa mâm vàng, mâm bạc).

Về tôn giáo nhân dân chủ yếu là đạo Phật và rất thuần thành, một số tín đồ đạo Cao Đài, tập trung ở khu vực xóm *Lò Quay Đường* và lân cận Chợ Đồn cũ. Người làng Bình Long thờ gia tiên, ông bà cha mẹ, vì là những cư dân mới nên có phong tục cúng đất, trong các lễ giỗ chạp thường có một bàn cúng đất đai ở ngay cửa chính. Mỗi năm có lễ *Cúng Đất* ngày 18 tháng Ba (Âm Lịch) và lễ cúng *Tổng Gió* vào tháng Bảy (Âm Lịch).

Cách thức thờ tự cũng theo những nơi khác, song có phần đơn giản hơn, chính giữa gian nhà trên cao thờ trang Phật, chủ yếu là Phật Thích Ca, bên phải thờ Phật Quan Âm, bên trái thờ Quan Công.

Thông thường ở những ngôi nhà xưa bằng gỗ, trang thờ Phật rất cao và to đẹp, trang trọng, bên dưới có một chiếc thang gỗ để leo lên thắp nhang mỗi ngày. Ngay dưới trang thờ là một tủ thờ lớn thờ Gia Tiên và Cửu Huyền Thất Tổ, hai bên trái phải thờ Nội Tổ và Ngoại Tổ của gia chủ (2). Ngoài ra có tục thờ Thổ Thần (Ông Địa và Ông Thần Tài), việc bếp núc có thờ Táo Quân, cũng chia làm hai nơi một bàn thờ Ông Táo trong nhà gọi là Táo Quân hay Táo Nhà, một bàn thờ gần nơi bếp nấu gọi là Táo Hoả. Ngoài sân cách cửa nhà, cách bảy bước chân, là bàn thờ Hoàng Thiên và Hậu Thổ.

(1) Quan sát lễ cúng Bà Thủy ở nhà Ông Chín Ất (Lê Văn Ất) ở Xóm Bánh Phồng.

(2) Quan sát những ngôi nhà cổ, nhà Ông Huyện Thoại, nhà Ông Quản Quới, nhà Ông Sáu Tá (Ngô Văn Tá)...

Trong phong tục và tín ngưỡng phần tâm linh thờ ông bà cha mẹ vẫn là phần quan trọng nhất trong gia đình. Vào mỗi dịp Lễ, Tết, chiều Ba Mươi Tết sau khi làm Lễ Rước Ông Bà về nhà thì có tục đốt nhang đèn trên bàn thờ liên tục, sau đó các bộ ván ngựa được trải chiếu, để gối và đặt quạt, và trẻ con không được phép chạy giỡn trên gian nhà trên vì sợ làm phiền ông bà nghỉ ngơi. Trong ba ngày Tết, phải dọn cơm cúng ông bà ngày ba bữa.





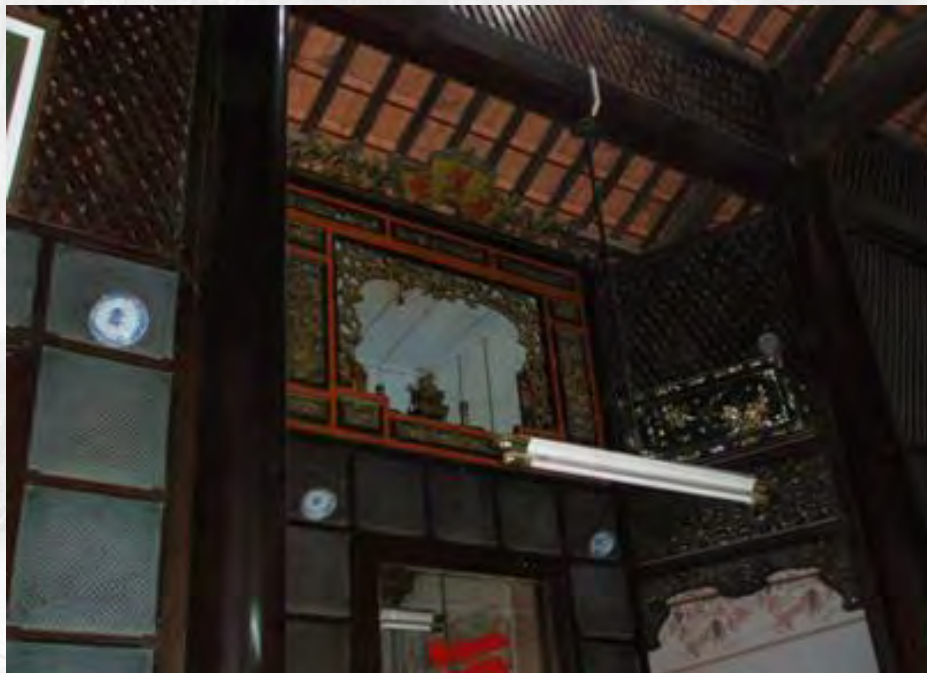
**Miếu thờ Bà Thủy ở ven sông**



**Bàn thờ Ngũ Vị Thánh Nương**



**Bàn thờ Gia Tiên**



**Trang thờ Phật**



**Lễ vật cúng trong ngày đầy tháng con trẻ**



**Mâm xôi chè**

## IV. ĐỊA DANH – DI TÍCH

### 1. Bến Đò Ngựa

Toạ lạc tại điểm đầu của làng giữa ranh giới Bửu Hoà - Hoá An, cách chùa Long Thiên khoảng độ 500m từ bờ sông Đồng Nai, ở khu vực này nước tương đối chảy chậm, đôi lưu không nước xoáy, rất tiện cho thuyền ghe neo đậu.

Thời xưa, nơi đây được trải đá và bến thoai thoải ra tận sông, được sử dụng làm **Dịch Trạm** có từ đầu thời Gia Long, tại bến đò này là trạm đổi ngựa chạy công văn, thư từ trên đường Cái Quan (Thiên Lý) từ kinh đô Huế vào đất Gia Định, nên người dân quen gọi là **Bến Đò Ngựa**.

Vào lúc đó, dân Bình Long muốn qua Biên Hoà cũng sử dụng bến đò này để đi lại. Qua các triều vua như: Minh Mạng, năm thứ 3 (1822) và Thiệu Trị nguyên niên (1841) đã có một số thay đổi. Khi Pháp chiếm 3 tỉnh Nam Kỳ: Biên Hoà – Gia Định – Định Tường vào năm 1862, họ đã sửa sang con đường Thiên Lý lại và dẹp bỏ các Dịch Trạm.

Đến năm 1902, **Cầu Rạch Cát** được xây dựng và năm 1903, **Cầu Gành** cũng được bắc qua, việc đi lại của người dân hai bên bờ sông trở nên thuận tiện hơn, song một số người vẫn có thói quen đi lại qua bến đò này. Bến đò còn được sử dụng như là một bến nước chung của khu vực dân cư quanh chùa Long Thiên và vùng lân cận. Những người làm nghề đánh xe ngựa thường dắt ngựa xuống bến tắm vào những buổi trưa hè oi bức, nên tên gọi Bến Đò Ngựa xuất phát sự việc này.

Sau một thời gian dài bị nước sông bào mòn, bến sông cũng bị lở nặng nề và khuyết vào tạo thế lòng chảo, rất nguy hiểm, người ta đã bỏ bến đò này chuyển lên trên khu vực Hoá An, từ đó cái tên Bến Đò Ngựa chỉ còn là hoài niệm về một dấu tích xưa.

Ngày nay, khi tìm lại cũng không còn tìm thấy dấu vết gì do nhà cửa đã xây dựng và coi nói ra che giấu kín bến sông. Chỉ duy có một bia đá với nội dung: *A Di Đà Phật Thân Vị*.

Nghe người dân quanh vùng kể lại, hàng năm đều có người chết đuối dưới bến này. Có khi một năm hai ba người, nên nhân dân xung quanh đã mời Thầy Bỉnh (Thầy Phong Thủy giỏi việc trấn yểm ở Hoá An) đến đây làm phép dựng lên bia đá để trấn yểm bến, từ đó đến nay cũng đỡ đi nhiều.

Người dân còn cho biết thêm ở gần khu vực Bến Đò Ngựa xưa có một cái mã Tây nằm ở gần khu vực lò gốm Thái Dương (nay không còn nữa). Hiện nay, ở khu vực bến sông này có một quán ăn mới mở cũng mang tên Bến Đò Ngựa, dường như người ta vẫn còn luyến nhớ đến một địa danh đã đi vào lịch sử rất lâu đời mà nay không còn nữa.



**Bia đá trấn yểm ở bên sông**



**Vị trí Bến Đò Ngựa ngày xưa**

## 2. Chùa Long Thiên (Tổ Đình Long Thiên)

Toạ lạc tại điểm phân ranh giữa Bình Long và Hoá An, cách sông Đồng Nai khoảng 500m, (nay là số K2/3 Khu Phố I, Bửu Hoà. **Chùa Long Thiên** được xây dựng vào năm 1664, do Tổ Sư **Thành Nhạc** khai sáng. Tổ Sư **Thành Nhạc, Thành Đăng, Thành Trí** là những đệ tử của Tổ Sư **Nguyễn Thiệu**, phái Lâm Tế (gốc Quảng Đông -Trung Quốc). Đây được xem như ba vị tổ sư khai sáng nền Phật Giáo tại miền Nam. Tổ Sư Thành Đăng xây dựng Chùa Đại Giác, Tổ Sư Thành Trí xây dựng Chùa Bửu Phong, Tổ Sư Thành Nhạc xây dựng Chùa Long Thiên. Cả ba ngôi chùa được xem là những tổ đình đầu tiên của Phật Giáo ở Đàng Trong.

Chùa Long Thiên ban đầu chỉ là ngôi chùa nhỏ, cột gỗ vách ván, mái lợp dừa nước, nền đất sét. Chùa Long Thiên toạ lạc trên một vùng đất có long mạch tốt. Trước chùa có sông Đồng Nai, sau lưng chùa có núi Châu Thới. Long mạch từ chùa toả ra quanh vùng, từ xã Hoá An đến Thạnh Hội là “*long mạch của Thanh Long*”; còn núi Châu Thới dựng lên như cánh đuôi rồng, hồ Long Ân biểu trưng miệng rồng, núi Bửu Long biểu thị “*trái châu*” ví như rồng ngậm trái châu.

Ngôi chùa được khang trang và tồn tại đến ngày nay đã trải qua ba lần trùng tu lớn. Lần thứ nhất vào năm 1748, đời tổ Phật Chiêu dòng Lâm Tế, thứ 35, xây dựng thêm chính điện bằng gỗ ba gian, hai chái và nhà tổ bằng vách ván. Gần một thế kỷ sau, vào năm 1842, đời tổ Tiên Đức dòng Lâm Tế thứ 37 trùng tu chùa lần thứ hai, lần này tổ đường được tu bổ lại, thêm khánh đường và nhà trù (nhà bếp), tường xây bằng gạch, nền lát gạch tàu, mái lợp ngói âm dương. Sau khi tổ viên tịch một thời gian dài chùa không có người trông coi, Ban Hội Tề của làng Bình Long quyết định thỉnh sư Huệ Thành từ Phú Hữu – Thủ Đức về trụ trì, trong số những người trong Ban Hội Tề làng Bình Long rước sư về có các ông: Lê Văn Lang (Cổ Dừa), Nguyễn Văn Thoại (Huyện Thoại)...

Lúc này chùa đã xuống cấp rất nặng nề sau trận lụt năm Nhâm Thìn 1952. Chùa được trùng tu lần thứ ba do Hoà Thượng Huệ Thành cùng các vị hương chức và dân chúng làng Bình Long bỏ công sức ra sửa sang, lần trùng tu này đã đem lại cho ngôi chùa diện mạo mới. Giảng đường, khách đường, tăng đường được xây dựng mở rộng thêm. Mái lợp ngói tây, riêng nhà trù lợp tôn xi-măng, tường được xây dựng bằng gạch thẻ, nền lát gạch tàu và gạch bông, giảng đường có gác lửng, chánh điện được đôn cao thêm 1m. Mặt chính của chùa hướng ra sông theo hướng Đông Bắc, sân chùa có nhiều cây cổ thụ toả bóng mát. Dưới gốc cổ thụ có tượng Di Lạc toạ thiền, bên tả là nhà tăng, bên hữu là hòn giả sơn, tượng Phật Quan Âm đứng uy nghi với nét mặt nhân từ, khoan dung và từ bi. Khuôn viên chùa là khu vườn rộng có nhiều tháp cổ trong đó có bảo tháp của Tổ Sư Thành Nhạc. Từ ngoài nhìn vào ta thấy sự uy nghi bề thế của ngôi chùa chánh điện, nhà thờ tổ, giảng đường, nhà trù nối tiếp nhau. Tuy theo chức năng của từng nơi mà bài trí khác nhau, phần chánh điện uy nghi tôn kính. Bệ thờ chính thờ Phật Di Đà, Thích Ca, Ngọc Hoàng, Tam Thế Phật, Đức Địa Tạng, Ông Tiêu và các vị Bồ Tát. Đối xứng hai bên thờ Già Lam, Linh Sơn cùng Thập Điện Diêm Vương.

Đối diện bàn thờ chính là bàn thờ: Liên Diện Đại Sĩ, Tam Châu Hộ Pháp cùng Đức Thiên Thủ Thiên Nhãn, những hàng cột thứ trong chánh điện chạm khắc tinh tế các đề tài: hoa điều, bát tiên, lý ngư hoá long, nhật nguyệt, tứ linh... Trên khắp xà ngang treo hoành phi khắc chữ Hán, sơn son thếp vàng sắc sảo với nội dung về chánh pháp, khuyên nhủ con người với lòng từ bi bác ái.

Chùa Long Thiên được xem như cái nôi của trung tâm truyền bá Phật Giáo ở xứ Đàng Trong và minh chứng cho sự hiện diện của người Việt ở vùng đất này, trước khi tướng Trần Thượng Xuyên (1679) đến Cù Lao Phố định cư, khai phá và tạo dựng nên Nông Nại Đại Phố, rồi sau đến tướng Nguyễn Hữu Cảnh (1689) thiết lập bộ máy hành chính.

Là một công trình kiến trúc tôn giáo, cái nôi của trung tâm Phật Giáo xứ Đàng Trong, Chùa Long Thiên xứng đáng có một vị trí quan trọng trong lịch sử thời Nam Tiến.

### **\* Vài nét về Cố Đại Lão Hoà Thượng Thích Huệ Thành (1912-2002)**

Cố Đại Lão Hoà Thượng Thích Huệ Thành, họ Nguyễn, húy là Trung, sinh năm Nhâm Tý (1912) tại Xã Phú Hữu, Quận Thủ Đức, Tỉnh Gia Định. Hoà Thượng được sinh ra và lớn lên trong gia đình Nho Giáo, kính tin Tam Bảo và có căn lành với Phật Pháp từ thuở nhỏ.

Do đó, thuở ấu thơ Ngài đã phát tâm quy y với Tổ Pháp Ấn-Như Quới, Viên Chủ Tổ Đình Phước Tường. Năm 12 tuổi, do đã có duyên lành sâu dày với Phật Pháp, chỉ sau thời gian nghe thuyết pháp của Tổ Pháp Ấn-Như Quới, Hoà Thượng xin xuất gia và được Tổ Pháp Ấn-Như Quới nhận Ngài làm đệ tử thế độ và ban cho Pháp Huý Hồng Tín, tự Bửu Thành, hiệu Huệ Thành.

Năm 1931, Hoà Thượng thọ giới Sa Di tại Chùa Huệ Nghiêm - Thủ Đức.

Năm 1934, thọ Cụ Túc Giới tại giới đàn chùa Phước Thạnh - Tây Ninh.

Năm 1947, Tổ Pháp Ấn-Như Quới cử các vị đệ tử đi hoằng pháp độ sinh. Hoà Thượng có nhân duyên với miền sông nước tỉnh Biên Hoà, ngài về trụ trì Chùa Long Thiên.

Sau khi Tổ Pháp Ấn-Như Quới viên tịch (ngày 15/01/1951, Tân Mão), ngài đến cầu pháp với Tổ Đạt Thanh-Như Thông, Pháp Chủ Tăng Già Miền Nam Việt Nam, Viên Chủ Tổ Đình Chùa Long Quang (Bà Điểm), Hóc Môn, Gia Định.

Trải qua hơn 60 năm tu học, hành đạo, hoằng pháp lợi sinh, Hoà Thượng xứng đáng là bậc thạch trụ Tăng Già, tài đức song toàn. Ngài xứng đáng là nhà mô phạm mẫu mực, làm tấm gương muôn đời cho thế hệ mai sau noi dấu.

Vào đầu hạ năm Tân Ty, Hoà Thượng đến lúc hoá duyên mãn tất, Ngài đã an nhiên thu thân thị tịch trụ thế 90 năm, hạ lạp 70 năm.



Chùa Long Thiên



Bàn thờ tổ sư ở Chùa Long Thiên



Chân dung Tổ Sư Thành Nhạc





**Bửu tháp Tổ Sư Thành Nhạc**



**Tháp cổ và cây bồ đề lâu năm trong sân Chùa Long Thiên**



**Một góc sân Chùa Long Thiên**



**Chân dung Cố Đại Lão Hoà Thượng  
Thích Huệ Thành**



**Bửu tháp Cố Đại Lão Hoà Thượng  
Huệ Thành**



**Bửu tháp Hoà Thượng Thiện Niệm trụ trì Chùa Hóc Ông Che trong sân chùa Long Thiên**



**Chân dung Hoà Thượng Huệ Thành khi mới về trụ trì Chùa Long Thiên**



**Chân dung Hoà Thượng Thiện Niệm**

### 3. Chùa Hút Gió (Long Tân Tự)

Toạ lạc tại vị trí mặt tiền đường Liên Tỉnh Lộ 16 (Bùi Hữu Nghĩa), chùa có tên chữ là Long Tân Tự, nhưng người dân quen gọi với tên là Chùa Hút Gió. Chùa được xây dựng năm 1904, do Tổ Thích Thiện Hoá, thế danh Hứa Văn Lòng (1880 - 1952) sáng lập, dân chúng thường gọi là Thầy Lòng. Đến 03/9/1917, chùa được trùng tu lại lớn hơn, do chiến tranh đã có dời đi nhiều lần xuống khu vực Tân Vạn, Chợ Đồn, mãi đến 1926 được trùng tu một lần nữa có thêm nhà hậu tổ, từ đó đến nay chùa trải qua nhiều đợt trùng tu lớn, nhỏ và có diện mạo như hiện nay. Xưa Thầy Lòng nổi tiếng khắp gần xa do có tài chữa bệnh bằng cách hút gió (tương tự như huyết sáo), sau khi thầy qua đời, con trai thầy là Thích Thiện Quả, thế danh Hứa Văn Mù tên thường gọi là Thầy Bảy Còn (1910 – 1972) nối tiếp. Thầy Bảy học thêm nghề bốc thuốc Nam và thuốc Bắc, cứu chữa bệnh làm phước. Từ đó Chùa Hút Gió không những vang danh về thuật pháp mà còn nổi tiếng bởi phòng thuốc chữa bệnh hiệu nghiệm.

Sau khi Thầy Bảy Còn tạ thế, người con của Thầy là Hứa Văn Lâm (tên thường gọi Thầy Sáu Trọng), Pháp Danh Thích Thiện Thanh (1944 – 2001) kế nghiệp bốc thuốc Nam, và tu hành Phật học đến hàng Thượng Toạ. Thời gian Thầy Sáu Trọng trụ trì, chùa thịnh vượng, Phật Tử đến chữa bệnh và chiêm bái vào các ngày Rằm, ngày Lễ rất đông. Thầy Sáu Trọng qua đời, hiện nay con trai của Thầy là Hứa Tấn Xa vẫn đang kế nghiệp bốc thuốc của cha ông để lại như một dòng truyền thống lịch sử của gia đình suốt hơn 4 đời.

Bước vào chánh điện của Chùa Long Tân, sẽ thấy ấn tượng nhất là ba pho tượng Di Đà Tam Tôn, rất to với dáng vẻ uy nghi, được sơn màu cánh dán toát lên vẻ u trầm tôn kính, Nguồn gốc của các pho tượng cũng mang nhiều huyền ảo và duyên lành với Chùa Long Tân. Tượng xuất xứ từ Thái Lan (trong thời chiến tranh), sau khi một ngôi chùa ở Thái bị bom đánh sập, các pho tượng đứng trơ giữa đồng hoang tàn không người hương khói. Theo lời kể lại, hai trong ba pho tượng này do công của một người phi công mang về để ở bên hiên nhà trong nội ô thành phố, đó là hai tượng: Phật Di Đà và Đại Thế Chí, thiếu mất tượng Quán Thế Âm, trong bộ Di Đà Tam Tôn. Sau một thời gian khá lâu để tạm ở hiên nhà, các chùa trong thành phố và các vùng lân cận thỉnh mời các sư trụ trì đến khẩn nguyện và xin phép được thỉnh về thờ tự trang nghiêm nhưng đều không được. Đến khi Thầy Sáu Trọng (lúc này chỉ mới xuất gia không lâu) đến xin thì lại được. Sau khi đem hai pho tượng về chùa, Thầy đã nhờ Ông Út Bùi (tên thật Trần Văn Là, tốt nghiệp trường Mỹ Nghệ Biên Hoà năm 1952) tạc thêm tượng Quán Thế Âm cùng kiểu thức và dáng dấp ứng đối với tượng Đại Thế Chí, tiếp đó được Ông Út Thọ Sơn, bỏ công sơn lại màu cánh dán bóng đẹp uy nghi như hiện nay.

Tên tự Chùa Hút Gió đã đi sâu vào tâm khảm của người dân khắp xứ khu vực Chợ Đồn và các vùng lân cận, nhiều người dân nhờ vào phương thuốc của nhà chùa mà khỏi bệnh, đã mang tình cảm mến nơi đây. Như vị nhân sĩ lão thành Lương Văn Lựu – tác giả bộ *Biên Hoà Sử Lược Toàn Biên*, cũng đã dành tình cảm cho nhà chùa viết nên một bài thơ về ngôi chùa này trong tập thơ Phật Giáo của ông, những năm cuối đời, xin được trích dẫn:

# LONG TÂN TỰ TỤC DANH CHÙA HÚT GIÓ

*Nhân Sĩ Lương Văn Lựu*

Long  
Giáng  
Chùa  
Phật  
Bồn  
Tay  
Ứng  
Điền  
Báo  
Mộng  
Khuyên  
Nông  
Dân  
Hứa  
Văn  
Lòng  
Lo  
Cứu  
Nhân  
Độ  
Thế

Tân  
Ban  
Chủng  
Thần  
Tam  
Bửu  
Truyền  
Phép  
Quyền  
Thông  
Hoi  
Miệng  
Huýt  
Còi  
Hút  
Gió  
Cầu  
Trị  
Bệnh  
Giúp  
Đời

*Không hẳn thiên môn, chưa hẳn chùa  
Danh xưng am tự cũng là vừa  
Hai hình quái tượng (1) thân Chân Lạp  
Một lưỡi búa to (2), cổ vật xưa  
Trị bệnh, vật thiêng cầu thuốc chữa  
Thầy Lòng Hút Gió, niệm cầu bùa  
Qua ngày tao loạn, am còn đó  
Hút Gió cầu linh, con (3) kế thừa.*

Chú giải:

- (1) Xưa Thầy Lòng được gọi là Ông Tà.
- (2) Được mệnh danh là lưỡi tâm sét.
- (3) Pháp Sư Bảy Còn.

## \* Sự Tích Về Thầy Lòng - Pháp Danh Thích Thiện Hoá

Có một số huyền tích kể lại, khi xưa thầy làm nghề đánh xe bò, khi chùa Long Thiên thời tổ sư nào không rõ, chỉ biết người dân thường gọi là Ông Cốc tổ chức trùng tu xây dựng chùa. Ông Lòng đã bỏ công ra đánh xe chở đất và đá ong về kê làm nền móng rộng rãi mấy tháng trời công đức. Ông Cốc rất cảm phục trước tâm thành của Ông Lòng nên có nói: “*con có tâm và công đức với Phật Trời, ác Tố sẽ cho con một cái lộc...*” Sau thời gian đó, bỗng nhiên Ông Lòng có một phép có thể chữa được bệnh bằng cách hút gió (tương tự huyết sáo). Người bệnh đến, Ông dùng một ly nước trắng cúng ở bàn tổ sư, tay cầm ly nước miệng hút gió, sau đó cho người bệnh uống nước vào thì khỏi bệnh. Ông đã chữa khỏi bệnh cho rất nhiều người và có thêm nhiều phương thuốc cây cỏ rất lạ nhưng hiệu nghiệm, đến nay đều thất truyền, do không có ghi chép sách vở để lại. Từ đó, người dân rất kính trọng gọi Ông là Thầy Lòng và tin tưởng nên đặt tên nơi đây là Chùa Hút Gió, và tên gọi đó đi sâu vào lòng người dân mãi đến tận bây giờ. Lại một lần, có người trong khu vực Dĩ An vào xin rước Thầy Lòng đến nhà chữa cho thân nhân bị bệnh, chưa đến cửa chùa thì Thầy Lòng đã biết và cho đệ tử ra đón tiếp, sau đó bảo người đó đánh xe ngựa về đi rồi Thầy sẽ đi theo sau. Đến khi người đi rước chưa về đến nhà thì Thầy đã có mặt để chữa bệnh cho thân nhân người đó. Trên đường về đến gần Chợ Đồn, Thầy gặp một nhà nọ có người chết đuối đang chuẩn bị khâm liệm, Thầy đến xua người thân tản ra rồi dùng thuật phép cứu sống người vừa chết đuối. Cảm mộ trước ân đức của thầy, gia đình đã hiến cúng cho nhà chùa một sớ đất ở khu vực Cầu Hang, gần Quan Âm Tu Viện. Sau phần đất được bán đi để tu bổ cho chùa năm 1926.

Mặc dù những sự việc trên có phần mang tính huyền hoặc, song tên tự Chùa Hút Gió đã minh chứng cho một thời điểm lịch sử hình thành và phát triển của làng Bình Long, góp phần dựng nên một nét riêng biệt trong đời sống tín ngưỡng của người dân nơi đây. Chuyện xưa tích cũ đã qua hơn 4 đời tiếp nối, nhưng vẫn vang vọng mãi như nhắc nhở con cháu hướng về nguồn cội, ông bà tổ tiên.

### 4. Miếu Năm Ông

Miếu Năm Ông có tên chữ là: Ngũ Công Quan Đế Miếu (五公關帝廟). Nằm ở thôn trung của làng Bình Long, khu vực Xóm Bánh Phồng, (nay là số K2/173 Khu Phố I, Bửu Hoà). Ngôi miếu toạ lạc hướng mặt xuống dòng sông Đồng Nai hiền hoà, cách đường lộ lồi 700m. Lịch sử hình thành ngôi miếu này vẫn còn là một ẩn số, mà tất cả căn cứ đều không còn gì sót lại, chỉ biết miếu là nơi thờ Quan Thánh cùng năm vị khác của người Hoa. Ngôi miếu này thuộc sở hữu tư nhân, trước đây của gia đình ông Trương Văn Kiểm được truyền từ nhiều đời trước, từ khi Ông Kiểm mất truyền lại cho con cháu đến đời cô Nguyễn Thị Diệu (cháu ngoại) cũng đã hơn ba đời. Theo tài liệu dịch thuật của ông Xã Rèn do ông Huỳnh Văn Đồng cung cấp thì bản sắc phong của Miếu Năm Ông có nội dung tạm như sau:

**“Năm Bính Tý (1836), Đệ Thập Niên, Minh Mạng thứ 17, TRƯƠNG VĂN TÍNH Thống Chế Đô Đốc, Phó Vệ Binh Chánh Phẩm.”**



**Cổng Chùa Long Tân**



**Chánh điện chùa với ba pho tượng Di Đà Tam Tôn xuất xứ từ Thái Lan**



**Bàn thờ Quan Thánh và Thần Pháp**



**Bàn thờ Tổ Sư Chùa Long Tân**





**Chân dung Thầy Thích Thiện Hoá**



**Mộ phần Thầy Thích Thiện Hoá**



**Chân dung Thầy Thích Thiện Quả**



**Mộ phần Thầy Thích Thiện Quả**



**Chân dung Thượng Toạ  
Thượng Thiện Hạ Thành**



**Bửu tháp Thượng Toạ  
Thượng Thiện Hạ Thành**



**Chân dung Thầy Hứa Văn Lòng khi chưa xuất gia**

Ngôi miếu được xây chữ Đinh, kiểu nhà Trính loại ba gian hai chái, được lợp ngói âm dương, xung quanh và phía thảo bạt trước được xây tường gạch có lan can. Chánh điện có trang thờ tượng Quan Công và hình của 4 vị gồm: Châu Xương, Quang Bình, Trương Tiên và Vương Thiên Quân. Hai bên tả hữu thờ Thánh Mẫu và Phật Bà Quan Âm. Phía trước chánh điện có bàn tiền án xây bằng gạch thờ Lão Tử, bên trái có tượng một vị tướng tay cầm cương ngựa và tượng thần mã kế bên. Bên ngoài sân miếu có hai miếu nhỏ ở hai bên tả hữu và một bia đá nhỏ có nội dung: Thái Sơn Thạch Cẩm Đường (泰山石敢堂) phía gần bậc xuống sông, đây có thể là tên nguyên thủy của ngôi miếu này. Ngay cạnh bên nước có một cây đa khá lớn đã có từ rất lâu đời, ở góc phải của bên có một miếu nhỏ hơn thờ các cô hồn. Lễ Vía lớn nhất diễn ra vào 24 tháng 6 Âm Lịch và Lễ Thí Thực vào tháng 7 Âm Lịch cùng với Lễ Tổng Gió.

Theo lời kể của những người quanh vùng, trước đây ngôi miếu này gọi là Miếu Ông, nhưng chỉ thờ tấm tranh chữ không có tượng hình và một bản sắc phong giờ đã thất lạc. Sau những năm 1975, một số người Hoa ở vùng Chợ Đồn và một bộ phận chủ thương người Hoa ở chợ Cầu Muối (Sài Gòn) dựng tượng và tranh ảnh năm ông, từ đó gọi là Miếu Năm Ông. Theo những tài liệu về bản sắc phong, cùng với nội dung phiến đá ở phía gần bậc lên xuống bên sông và nghiên cứu về hình dáng của ngôi miếu, đây có thể là hình dáng của một ngôi từ đường, thờ tự của một dòng họ, hơn là miếu mạo. Tuy nhiên, căn cứ về ngôi miếu này đều chỉ mang tính suy đoán, không thể tránh khỏi nhiều sai sót và quan điểm chủ quan. Song đây cũng như một di tích cổ xưa còn sót lại tại làng Bình Long, góp phần vào việc bổ sung nguồn sử liệu về sự hình thành vùng đất Bình Long.

## 5. Đình Bình Long

Đình Bình Long được xem như là một trung tâm của văn hoá, xã hội của dân chúng tại làng những thời kỳ xa xưa. Nghe kể lại rằng Đình Bình Long trước đây đặt tại khu vực ngã tư Chợ Đồn, trên nền của nhà máy xay lúa, hiện nay nằm cạnh Chợ Bửu Hoà phía bên phải hướng lên Quốc Lộ 1A, sau không biết vì lý do gì lại dời về khu vực hiện nay. Có những lời truyền miệng kể lại rằng, khi Pháp chiếm đóng Nam kỳ và xây dựng bộ máy hành chính trên đất Biên Hoà-Gia Định đã sử dụng đình Bình Long làm nhà Hội, tổ chức làm việc. Các vị hương chức thấy vậy sợ ảnh hưởng đến chôn linh thiêng, thần hoàng quả trách nên đã dời đình về chỗ hiện nay là Xóm Rạp Hát. Trước đây, khu vực này là vùng rừng chồi hoang vu ít người qua lại, từ khi dời đình về thì dân cư mới tụ hợp sinh sống đông đúc. Sau đó, người Pháp đã xây dựng một nhà hội mới “*Bửu Hoà Công Sở*” nằm ngay Chợ Đồn Cũ. Đây cũng xem như là một nguồn tài liệu hợp lý góp phần khắc hoạ rõ nét hơn nếp sống sinh hoạt và những sự kiện đã trải qua của làng Bình Long mà nay không có sử liệu nào ghi chép lại. Căn cứ vào tờ Trích Lục Địa Bộ của Tổng Nha Điền Địa, Tỉnh Biên Hoà - Tổng Phước Vĩnh Thượng - Xã Bửu Hoà cấp, theo đơn xin của bà Bùi Thị Hậu ngày 23 tháng 8 năm 1967, có ghi rõ:

***Diện tích đình là: 0H41a.00***

***Cội rễ: De Trần Văn Thanh au village de Bình Long par acte de vente du 15è jour, du 10è mois de l'année Canh Ngo. Inscrit au bộ sous le no 82***



**Miếu Năm Ông**



**Trang thờ nơi gian chính của Miếu Năm Ông**



Thần Mã và Tướng Quân



Bia đá Thái Sơn Thạch Cảm Đường

**Tạm dịch:**

**Mảnh đất này do ông Trần Văn Thanh bán cho làng Bình Long, theo tờ đoạn mãi đã ghi vào sổ bộ số 82, ngày 15 tháng 10 năm Canh Ngọ (1870) theo lịch An Nam (Âm lịch). (Văn tự tờ đoạn mãi bằng chữ Hán).**

Đây được xem như là một văn bản chỉ rõ thời điểm Đình Bình Long tồn tại trên mảnh đất như hiện nay từ những năm 1870, theo xác nhận của bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1917, con gái thứ 6 của ông Huyện Thoại, thì khi bà lớn lên ngôi đình đã nằm trên địa thế như bây giờ. Nhưng để kiểm chứng lại một lần nữa cần căn cứ vào Sắc Thần được thờ tại đình, theo thông tin do ông Huỳnh Văn Đồng, hiện nay là Chánh Bái Đình Bình Long và Miếu Bà, những năm 1952 do trận lụt năm Nhân Thìn nên đem gửi sắc thần đình Bình Long ở đình Hoá An và được ông Xã Rèn (Đoàn Văn Rèn) dịch như sau:

**Tự Đức Ngũ Niên.**

**Thập nhật, ngoạt nhị thập thứ nhất, kỳ tương Hữu Bảo Lê Dân, khâm tài chi thần dựng chường Phước Chánh huyện Bình Long thôn, y cựu phụng sự thần, mang điện niệm thần hữu khĩ như gia, từng bảo an chánh trực, hữu thiên nghi thần, hộ quốc tỳ niệm tứ linh ứng kim khô sắc Bình Long thần hoàng chi thần, nguyên tặng bảo an chánh trực hữu thiên chi.**

Bản sắc chỉ của vua Tự Đức năm thứ 5 (1852), đối chiếu với quá trình hình thành làng Bình Long trong khoảng 1820 đến 1881 thì hợp lý, vì thời xưa khi khai khẩn dựng làng lập ấp người dân thường lập đình thờ thần hoàng làng, đó là nét truyền thống của người Việt, mong vị thần hoàng sẽ che chở bảo vệ cho dân chúng trong làng được bình an. Nghe các vị cao niên kể lại rằng sau khi dựng đình xong, Ban Hội Tề cử một số vị thông thạo đường đi và biết chữ Hán, đem theo lương thực, trải bao gian khó đi đến tận kinh đô Huế xin được cấp sắc phong thần hoàng cho làng Bình Long rồi thỉnh về thờ, nên trong bản sắc có nêu tên Bình Long Thôn, thuộc Huyện Phước Chánh. Trước đây nguyên gốc diện tích đất của đình là 1 mẫu 7 sào, sau nhiều biến đổi và người dân lấn chiếm diện tích đất của đình bị thu hẹp lại chỉ còn khoảng hơn 1000m<sup>2</sup>. Sau năm 1975, nhà khách phía sau đình được sử dụng làm trụ sở Hội Người Mù,...Cùng một số biến cố đã làm cho các vật dụng và nội thất bên trong đình không còn nguyên vẹn như xưa. Sau năm 1989, đình được trả về cho Ban Quý Tế và dân chúng để tiếp tục bảo quản và phụng sự việc cúng tế hàng năm. Đình Bình Long đã qua rất nhiều đợt trùng tu mới có hiện trạng như ngày nay. Đình xây kiểu Xuyên Trính, các bộ vì kèo, rường cột đều làm từ gỗ cây gỗ (một loại danh mộc), được đẽo bào rất chắc chắn, trải qua hơn 100 năm vẫn tồn tại nguyên vẹn không hề suy suyễn, bộ khung này có lẽ vào loại hiếm thấy trong các đình ở Biên Hoà ngày nay. Đình gồm ba phần, phía trước là phần gian chính, phía sau có một dãy nhà khách và có bàn thờ tiền hiền, nối dài ra phía sau là dãy nhà bếp, bên hông phải có một khoảng sân rộng, phía trước mặt tiền đình cách một con đường làng là cây cột phượng (cột treo cờ phượng) và tám bình phong, bên tả có bàn thần nông và chí sĩ. Mặt tiền đình được xây đơn giản nhưng mang kiểu dáng của nhà hội Bửu Hoà Công Sở ngày xưa, hai bên có câu đối:

**Đức Phổ Càn Khôn Chân Hiển Hách Bình Định Quy Mô Mỹ Luân Mỹ Hoán  
Long Bồi Thổ Vũ Bĩ Xí Bĩ Xương Công Thuỳ Vũ Trụ Thị Anh Linh**

Tạm Dịch:

***Công đức càn khôn thật hiển hách. Công truyền Vũ Trụ là người tài giỏi.  
Bình định quy mô muôn màu đẹp đẽ. Long bồi đất làm thêm rực rỡ, thịnh vượng.***

Trên mặt tiền trang trí các loại tượng Gồm Cây Mai như: tượng Ông Nhật – Bà Nguyệt, cá hoá long, lân, trên bờ nóc có lưỡng long tranh châu... đến nay vẫn còn, một số cũng mất đi hay hư hao theo thời gian và đã được thay mới. Bên trong điện thờ có 3 bàn tiền án, 6 bàn thờ các liệt vị, tất cả các bàn thờ đều làm bằng xi-măng, chính giữa có một bàn hương án, bên trong là ngai thờ sắc thần hoàng, sắc thần được bọc trong nhiều lớp giấy bản, đặt trong một ống sắt hình trụ, đặt trong một chiếc tráp bên ngoài được chạm trổ cẩn ốc rất đẹp. Đình Bình Long qua nhiều biến cố, các cổ vật còn lại rất ít ỏi, chỉ sót lại một số như: 3 bộ lu đồng cổ (bộ lu đại, bộ lu mắc tre, bộ lu vuông trái đào), một chiếc bàn mỗi lần kỳ yên dùng để dâng phẩm vật cúng thần, một chiếc mõ (bằng gỗ rất to) và một cái kiệu để thỉnh sắc (sau năm 1975 đình có đem gửi sắc tại Chùa Long Thiên, đến lễ cúng lại lên thỉnh về đình hành lễ trong 2 ngày rồi hoàn lại, thời điểm này thường sử dụng kiệu để thỉnh sắc).

Đình Bình Long cúng Lễ Kỳ Yên vào Rằm tháng Tám Âm Lịch, cúng lễ chính vào khoảng 12 giờ đêm ngày Rằm rạng sáng ngày 16 Âm Lịch.

\* Ban Nghi Lễ Cúng Thần gồm có:

- 1 Chánh Bái
- 2 Chánh Tế và hai Bồi Tế

\* Ban Cháp Sự gồm có:

- Kiểm lệnh
- Trống lệnh
- Cờn (một loại giống chiêng, nhưng to hơn)
- Mõ (là một khúc thân cây, được đẽo rỗng bên trong như chiếc trống, có rãnh)
- Trống (trống to)
- Hầu chuông
- Bốn vị hầu đèn
- Một người đọc Chúc (văn tế).

Nhìn chung phương cách cúng tế của đình Bình Long cũng giống các nghi thức các đình làng khác ở miền Nam.

Đình Bình Long đã trải qua những thời kỳ lịch sử cùng sự phát triển của làng Bình Long bao đời nay, là quê hương máu thịt của biết bao thế hệ. Ngày nay, các thế hệ của làng Bình Long đã và đang ra sức bảo tồn di tích của cha ông ngày trước tạo dựng, như nét truyền thống văn hoá cao đẹp của các bậc tiền nhân khai khẩn trên vùng đất này, cũng là niềm tự hào cho những người dân sinh trưởng và lớn lên nơi đây về quê hương, xứ sở của mình. Hằng năm vào dịp Lễ Kỳ Yên dân chúng trong làng tụ hội về nơi đây rất đông, cùng cầu mong cho quốc thái dân an, xóm làng được bình an, ấm no hạnh phúc.

Tới đây có thể phân nào nhận định và suy luận về hai chữ Bình Long mà tiền nhân đã đặt cho vùng đất này, với ước mong chữ Bình trong bình yên và quy mô to lớn, còn chữ Long trong nghĩa con rồng và thịnh vượng.

Với nguyện vọng là vùng đất long mạch bình yên, phát triển, làng Bình Long thật sự trở thành vùng đất an lành, đúng với ý nghĩa mà những bậc tiền nhân đi trước kỳ vọng, để lưu dấu cho con cháu ngàn đời.

### **\* Những tích lạ tại Đình Thần Bình Long**

Đây là những mẫu chuyện qua lời kể của các bậc cao niên trong làng Bình Long, mang tính huyền hoặc song đây cũng là những giá trị văn hoá truyền khẩu được người dân trân trọng gìn giữ qua bao đời nay.

#### **- Sắc Thần**

Là một vật rất linh thiêng, tương truyền mỗi năm đến Lễ Kỳ Yên chỉ khai hộp đựng sắc ra để cúng, chứ không được đụng chạm vào sắc chỉ, nếu không sẽ bị Thần quở phạt.

Đã có những trường hợp được nêu ra như một sự linh thiêng và hiển linh của thần hoàng, không cho kẻ nào có ý đánh cắp sắc, hay làm hư hại đến nơi tôn nghiêm thờ thần hoàng của làng Bình Long.

#### **- Tương Truyền**

Khi xây dựng hay sửa chữa đình, điều mà ai cũng tránh né đó là việc gác đòn dông trên nóc của mái chính, vì người ta cho rằng đây là điều kỵ, người nào làm việc này sẽ gặp điều không may và có thể dẫn đến chết chóc.

Lần dời đình từ dốc Chợ Đồn về nơi hiện nay các người dân trong làng tụ họp về phụ giúp rất đông, người tháo dỡ mái ngói, người tháo các cột kèo... người dân phải dùng xe bò để chuyên các khối cột to nặng và có khi phải dùng tay và khiêng bộ vô cùng cực nhọc.

Nhưng vì lòng kính tin vào thần hoàng nên đã ra công sức không quãng gian nan, khi dựng lại đến việc gác đòn dông có một vị đã đứng ra thực hiện việc này và do nhiều lời đồn thổi cũng đã ra người thiên cổ...

#### **- Cột Phướng**

Ở phía trước đình thần, cách một con đường làng, cột này được làm bằng sắt cao khoảng 6m – 7m, phía chân cột được xây một nền xi-măng rất chắc chắn làm chân đế, cột phướng được treo cờ vào mỗi dịp Lễ Kỳ Yên.

Thỉnh thoảng người dân sống quanh đình vẫn thấy cột phướng này tự rung lên mặc dù lúc đó trời không có gió thổi, sự việc này xảy ra cũng thỉnh thoảng, thường thì vào buổi sáng sớm, người dân xung quanh cho là điềm linh thiêng do thần hoàng báo.





**Đình Thần Bình Long**



**Nội thất trong đình**



**Bàn thờ thần ở trong đình Bình Long**



**Hộp đựng Sắc Phong Thần Hoàng Đình Bình Long**



**Mõ Gỗ**  
(có từ mới thành lập đình)



**Bộ Lư Mắc Tre**  
(cổ vật của đình)



**Cột cờ Đình Bình Long**



**Cờ và Phướng trang trí trong đình**



Hình ảnh sinh hoạt ngày Lễ Tiên Yết ở làng Bình Long





Hình ảnh sinh hoạt ngày Lễ Tiên Yết ở làng Bình Long



## 6. Trạm Xá (Trạm Y Tế Phường Bửu Hoà)

Nằm trên khoảng đất đối diện Đình Bình Long, trong Xóm Rạp Hát, người dân quen với tên gọi là *Trạm Xá*, trước đây chỉ là một phòng y tế nhỏ trong xóm ấp. Trạm Xá này nằm trên mảnh đất mà xưa kia là đất của ông Tà Cựu (một người làm Thầy Pháp) sau ông bán cho người Tây, khi người Pháp về nước, đất bị bỏ hoang một thời gian làm sân banh.

Dưới thời Việt Nam Cộng Hoà năm 1970, do vận động được nguồn vốn tài trợ thương binh xã hội của Tây Đức, khu đất này được quy hoạch xây vòng tường rào và dự kiến xây phòng y tế, song kế hoạch chưa thực hiện xong vì vận nước đổi thay. Cơ sở có sẵn nên đến nay vẫn là trạm y tế phục vụ cho người dân quanh địa phương và các khu vực lân cận.

## 7. Rạp Hát Phước Chung và Xóm Rạp Hát

Nằm trong khu vực gần đình Bình Long, cách Liên Tỉnh Lộ 16 khoảng 10m, tiền thân của rạp hát này là nhà hát của đạo Cao Đài ở gần khu vực sát bến sông gần đình Bình Long. Sau đó được dời lên khu vực mới nằm trong cuộc đất công của đình Bình Long.

Rạp hát thành lập dựa trên sự đóng góp của 6 cổ phần: *Hứa Văn Sao* (Hai Sao), *Lâm Hữu Gia*, *Nguyễn Văn Kện*, *Nguyễn Văn Thông*, *Trương Hữu* (Bang Đủ), *Phạm Thành Khoa* (Tổng Pha).

Các cổ đông góp cổ phần và thuê lại đất đình Bình Long để xây dựng rạp hát. *Công Ty Rạp Hát Phước Chung* được xây dựng khoảng năm 1958 – 1959, được Ty Thông Tin (thời Việt Nam Cộng Hoà) cấp phép hoạt động.

Rạp hát Phước Chung là nơi giải trí của người dân khu vực làng Bình Long và các khu vực lân cận, các buổi hát diễn ra thường xuyên một tháng khoảng độ trung bình là hai lần, mỗi đoàn thường diễn 3 đến 4 đêm, các đoàn hát có tiếng thường về diễn như: *Kim Chung*, *Thanh Minh – Thanh Nga...*

Vào thời điểm này, khu vực quanh rạp hát rất sôi động và ngày trở nên sầm uất hơn. Người dân tản cư cũng xuống nơi đây ở và hình thành *Xóm Rạp Hát* từ đó.

Rạp Phước Chung hoạt động từ khi thành lập cho đến năm 1975 thì ngưng hoạt động khá lâu, vì thế toà nhà rạp hát cũng xuống cấp nghiêm trọng và đến bây giờ thì không còn dấu vết gì.

Khu đất của rạp hát cũ đã được xây thành nhà cửa của người dân. Song địa danh Rạp Hát Phước Chung và Xóm Rạp Hát cũng vẫn còn đó minh chứng cho một thời kỳ hưng thịnh về hoạt động giải trí của người dân làng Bình Long, một món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống của người xưa.

## 8. Miếu Bà Ngũ Hành

Nằm trong lòng khu vực Chợ Đồn Cũ, xoay mặt hướng sông Đồn Nai, lưng hướng ra đường lộ nay là đường Bùi Hữu Nghĩa. Theo lời kể của các bậc cao niên trước đây, ở chỗ ngôi miếu có một cây da rất lớn, rồi người dân thường đem các ông địa hay hình ảnh thờ Phật, Thánh cũ ra để ở gốc da này, rồi làm một mái che bằng lá để che đỡ qua mưa nắng. Tương truyền có một thương buôn người Hoa đến bên Chợ Đồn Cũ làm ăn, đi qua gốc da thấy có miếu nhỏ thờ, nên thấp nén nhang khẩn vái cầu mong làm ăn được thịnh vượng, quả nhiên linh nghiệm nên người dân đã cho nơi đây là linh thiêng. Trước có ông *Bảy Cầu* một người giàu có trong vùng lại là dân Tây học, đã đặt lệ Cúng Miếu Bà vào ngày Rằm tháng Giêng, vừa là dịp Tết lại trăng sáng có mượn các gánh hát về biểu diễn cho bà con trong buổi nông nhàn. Vì vậy giải thích tại sao Miếu Bà ở làng Bình Long có lệ cúng vào Rằm tháng Giêng mà không giống những nơi khác.

Thời gian sau năm 1967, một số người trong Ban Hội Đình Bình Long và các ông như: Lâm Hữu Gia, Huỳnh Văn Đồng... đi quyên góp tiền bạc và cùng dân làng xây dựng Miếu Bà và đã qua nhiều đợt trùng tu lớn nhỏ Miếu Bà có được hiện trạng như ngày nay. Những người đứng trong coi việc xây miếu có ông *Phạm Thành Khoa* (Tông Pha) và ông *Hứa Văn Sao* (Hai Sao).

Miếu được xây bằng tường gạch, nóc lợp mái ngói Tây, gồm gian chính tương đối nhỏ, phía trước là thảo bệ dùng để tiếp khách, phía ngoài thảo bệ có xây thêm một sân khấu, dùng để hát hội vào những dịp cúng. Phía sau gian chính là nhà bếp, trước đây khi xây miếu đã phá đi cây da cổ thụ, sau đó Ban Hội Đình đã đem giống một cây bồ đề khác về trồng phía giàn nước của nhà bếp đến bây giờ cây bồ đề cũng to lớn và xoè bóng mát quanh khu miếu. Miếu thờ năm bà tượng trưng cho ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, bên trong gian chính có một trang thờ làm bằng xi-măng và một bàn hương án bằng gạch xây, những vật dụng khác đều dùng chung với đình Bình Long, duy chỉ có một tấm phong vị phía sau trang thờ được coi là vật quý có từ lâu đời.

Miếu Bà Ngũ Hành và Đình Bình Long có cùng chung một Ban Tế Tự, và các vật dụng tế tự cùng dùng chung. Miếu có lệ Cúng Cầu An vào ngày Rằm tháng Giêng hằng năm, lễ diễn ra vào lúc 12 giờ đêm ngày Rằm đến rạng sáng ngày 16 Âm Lịch. Vào thời điểm này, Ban Tế Tự có mời các đoàn hát lớn về, chủ yếu là hát bội, hò quảng và cải lương, trong dịp lệ cúng vào ba đêm 14, 15, 16, ngoài ra còn các dạng hát múa dân gian như: địa – nàng, múa mâm vàng, mâm bạc... Dân làng đến đây cúng bái, dâng hương lên Bà mong được an lành và ấm no cho mọi nhà, đặc biệt vào các đêm hát, dân làng Bình Long và các làng lân cận đến xem đông vui như đi hội, đây cũng là một nét văn hoá, tinh thần tín ngưỡng trong dân gian mỗi dịp có lệ cúng hằng năm. Đối với trẻ con, trong ký ức tuổi thơ đều nhớ đến các lần hát bội với các tuồng hát như: *Lưu Kim Đính Giải Giá Thọ Châu Thành*, *Thần Nữ Dâng Ngũ Linh Kỳ*, *Chung Vô Diệm*...tất cả đều khơi gợi trong tâm thức thế hệ trẻ những nét truyền thống quý giá của cha ông ngày xưa được lưu truyền trong thế hệ hôm nay, để cùng chung tay ra sức giữ gìn văn hoá dân tộc.



**Gian chính Miếu Bà Ngũ Hành**



**Sản phẩm Gốm Biên Hoà**

**Toàn cảnh Miếu Bà Ngũ Hành**



**Gian chính Miếu Bà Ngũ Hành**



## 9. Nhà Hội Bửu Hoà (Bửu Hoà Công Sở)

Nhà hội này hiện nay không còn nữa, nền đất cũ nay là cơ sở mới tọa lạc gần với mặt đường Bùi Hữu Nghĩa ngày nay. Vì đã quá lâu, ngôi nhà này cũng đã bị phá huỷ nên không còn nhiều người biết đến nhà hội nữa, chỉ sót lại vài hình ảnh có thể làm tư liệu căn cứ để miêu tả lại. Theo nhận định của ông *Nguyễn Trí Dạng*, người làng Mỹ Khánh, trước năm 1945 ngôi nhà hội này được xây dựng xoay mặt hướng xuống bờ sông và xoay lưng với mặt đường lộ. Sau năm 1945, nhà hội được xoay ngược lại và có thêm một hàng rào phía hai bên. Nhà hội phía trước có 4 chữ: **Bửu Hoà Công Sở** được viết bằng hai thứ tiếng (chữ Hán và chữ Quốc Ngữ không dấu).

Đến nay, không ai biết nhà hội xây dựng năm nào, chỉ biết nhà hội có từ khi ba làng Bình Long, Mỹ Khánh và Tân Bản hợp nhất thành xã Bửu Hoà (nghe nói tên Bửu Hoà do ông Huyện Thoại đặt “*chữ Bửu trong bửu bối là vật quý, còn chữ Hoà trong chữ an hoà*” với ý nghĩa là vùng đất tốt phát triển trong mưa thuận gió hoà, an lành, ấm no). Nghiên cứu qua hình ảnh, nhà hội được cất theo kiểu nhà ba gian gồm hai nhà trước và sau nối với nhau, mái lợp ngói âm dương chân sóng hình ống, trên bờ nóc có đắp hoa văn bằng vôi vữa, xung quanh xây tường gạch và phía trước thảo bạt cũng được xây lan can và cột gạch. Theo lời ông *Năm Trí (Nguyễn Văn Trí)* cho biết bên trong nhà hội có một phòng rộng khoảng 50m<sup>2</sup> gọi là phòng “*đóng trăn*” dùng để giam giữ những người phạm tội. Tiếc thay nội diện bên trong thì không có hình ảnh nào nên khó có thể miêu tả. Chỉ biết ngôi nhà này được người Pháp sử dụng đặt bộ máy hành chính cai quản xã Bửu Hoà. Theo những phần tài liệu sưu tập được thì Xã Bửu Hoà được thành lập năm 1930, vậy có thể tạm xem ngôi nhà hội được xây dựng cũng trong khoảng thời gian này. Căn cứ theo Nghị Định của Toàn Quyền Đông Dương ngày 30/10/1927 thì tổ chức hành chánh của xã Bửu Hoà khi thành lập cũng đặt tại nhà hội, gồm 12 người: Hương Cả (Đại Hương Cả), Hương Chủ, Hương Su, Hương Trưởng, Hương Chánh, Hương Giáo, Hương Quản, Hương Bộ (Thủ Bộ), Hương Thân, Xã Trưởng (Thôn Trưởng) và Chánh Lục Bộ. Khi xảy ra việc gì trong làng, xã... thì nhà hội đánh trống thừng một (cách đánh trống báo hiệu) triệu tập dân làng và vị Hương Quản sẽ trực tiếp xử lý sau khi đã trình với Ban Hương Chức. Nghiên cứu kỹ qua hai bức ảnh chụp Ban Hương Chức Xã Bửu Hoà và tấm ảnh chụp một góc Bửu Hoà Công Sở trong một đám cưới của người dân làng Bình Long, cho thấy một điều đáng chú ý, có thể đối chiếu xem xét, Đình Bình Long có kiểu dáng tương đối giống với Nhà Hội Bửu Hoà, về tổng thể kiến trúc (hai ngôi nhà liền trước và sau) và phần thảo bạt phía trước.

Sau khi Pháp rút khỏi Việt Nam năm 1954, miền Nam theo chế độ tự do, danh gọi là Việt Nam Cộng Hoà, được hình thành. Thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm (1901 – 1963) làm tổng thống đã có những thay đổi lớn trong các đơn vị hành chính cấp cơ sở, cơ cấu 12 vị hội tề được bãi bỏ, thay vào đó là Hội Đồng Xã và Chủ Tịch Xã Bửu Hoà. Thời gian này là ông Nghiêm, ông cho dời nhà hội lên khu vực gần Chùa Cao Đài. Căn nhà hội cũng theo đó mà biến mất, chỉ còn sót lại dấu tích là các bức ảnh như khắc họa một diện mạo của Bửu Hoà qua từng giai đoạn của lịch sử.



**Ban Hương Chức Xã Bửu Hoà**



**Đám cưới đi qua nhà hội xã Bửu Hoà**

## 10. Chợ Đồn Cũ

Chợ Đồn là tên gọi rất quen thuộc mỗi khi nhắc đến Bửu Hoà. Nguyên chợ tọa lạc tại làng Bình Long, trên một khoảng đất trũng, gần sát sông, chạy dọc hai bên Miếu Bà Ngũ Hành xuống tận bên sông. Theo cuốn *Biên Hoà Sử Lược Toàn Biên - Quyển 1- Trần Biên Cổ Kính* của Lương Văn Lựu, chợ trước đây có tên là **Chợ Lò**, đến năm 1776, khi quân Tây Sơn do Nguyễn Lữ cầm đầu dùng thủy quân và chiến thuyền tiến đánh Gia Định, lấy được thành Sài Côn, đặt tư khẩu để kiểm soát. Nơi đây, thủa đó chưa có làng Bình Long, khu Chợ Lò chỉ là nhóm chợ nhỏ vài người mua bán và trao đổi hàng hoá ven lưu vực sông Phước Long (Đồng Nai). Quân Tây Sơn đã xây ở đây một đồn lũy làm tư khẩu canh gác, sau đó dân cư đến ngày một đông hơn và nhóm chợ ngày càng phát triển quy mô rộng lớn hơn. Năm Mậu Tuất (1778), Nguyễn Ánh đánh úp và giành lại được Trần Biên, quân Tây Sơn thất bại, dường như những người dân nơi đây, vẫn còn chút quyến luyến và dành tình cảm đặc biệt cho quân Tây Sơn, đã đặt tên **Chợ Đồn** và tên ấy tồn tại, vang vọng mãi cho đến hôm nay.

Song song với căn cứ vừa kể trên lại có thêm một nguồn tài liệu truyền miệng giải thích về tên gọi Chợ Đồn. Đó là, khi thực dân Pháp tiến chiếm Nam Kỳ năm 1858 đã xây một đồn lũy ở khu vực này, người dân quanh vùng thấy thuận tiện nên đã đến quanh đồn lũy nhóm họp chợ và tên Chợ Đồn xuất hiện từ đó. Nguồn cứ liệu này được nhận định vì sau khi hoàn thành hai chiếc cầu Rạch Cát và Cầu Gành, người Pháp cho xây dựng một nhà lồng chợ bằng sắt ngay khu vực Chợ Đồn Cũ, từ chỗ sân khấu hát (võ ca) ở trước Miếu Bà cho đến tận sát bên sông, mục đích là tạo dựng bộ mặt thương mại cho khu vực này ngày càng sầm uất và phát triển hơn.

Nói đến lịch sử hình thành Chợ Đồn thì theo những tư liệu về tên gọi cũng nhận thấy được Chợ Đồn xuất hiện khá lâu đời và có trước khi hình thành làng Bình Long, có lẽ khi khu vực Chợ Đồn phát triển cực thịnh thì cư dân tụ họp về nơi đây và các vùng lân cận buôn bán nên hình thành Làng Bình Long. Theo nhận định về địa lý, khu vực Cầu Gành bây giờ là vùng nước xoáy, lại chảy xiết, tàu bè qua lại đều rất nguy hiểm, còn khu vực Nông Nại Đại Phố (Cù Lao Phố) lại là thương cảng sầm uất, thời điểm đó thì chưa có Cầu Gành, hoạt động qua lại giữa Bửu Hoà, Cù Lao Phố và Biên Hoà rất khó khăn. Thêm nữa, khi trước chưa có Đập Trị An nên dòng sông Đồng Nai chảy rất xiết, việc giao lưu không thuận lợi. Để có thể qua lại buôn bán với Nông Nại Đại Phố dân Bửu Hoà phải sử dụng thuyền và chèo xuôi theo dòng nước, họ chọn từ bên sông Chợ Đồn Cũ chèo thuyền qua thương cảng của Nông Nại Đại Phố ở chỗ Thất Phủ Cổ Miếu (Chùa Ông) hiện nay. Vì vậy Chợ Đồn là một vị trí địa lý thuận tiện nhất.

Sau năm 1862, Pháp đã thực thi xong hệ thống hành chính trên khắp Nam Kỳ. Tại Bửu Hoà, nhà hội Bửu Hoà Công Sở được lập ra ở mặt trước của Chợ Đồn, phần giáp ranh với đường Bùi Hữu Nghĩa. Ngày nay, nhà hội không còn nữa, sau bao năm thay đổi bây giờ là cơ sở công quyền. Trước đây, khu vực hai bên Chợ Đồn Cũ phố xá sầm uất, san sát nhau, nhà xây theo kiểu phố Tàu, một số nhà ba gian mái ngói âm dương.

Nghe các vị cao niên kể lại, những năm 1925, khu vực phía trên chợ bán các mặt hàng chap-phô với các thương gia có tiếng như: Chú Di, Chú Dũ, Bà Ba Vạn... giáp với Miếu Bà là tiệm thuốc Bắc của ông Hoạch, gần đó cũng có ba căn phố thuộc hội quán của các bang người Trung Hoa như Bang Phúc Kiến, Tiều Châu, Quảng Đông, Họ...phụng vụ Thất Phủ Cổ Miếu (Chùa Ông bên Cù Lao Phố).

Gần sát khu vực bờ sông có một con mương nhỏ, kế đó có một nhà vuông sát bên sông làm chợ cá, buôn bán các loại cá đồng. Góc xéo ngay chân Cầu Gành là vựa cá lớn của Bà Bồn, ghe đậu tấp nập lên tận bến sông Chợ Đồn cũ.

Những năm Nhật đánh chiếm Đông Dương, trong giai đoạn này Chợ Đồn không còn sầm uất như xưa, buôn bán nhỏ lẻ, toàn chợ chỉ có một thớt thịt... Có tích xưa ông bà kể lại nhằm giải thích sự lụi tàn của Chợ Đồn, vào năm nào không nhớ, có một con mang chạy lạc qua trước nhà hội là khu vực Chợ Đồn cũ, kêu tiếng tác, tác, tác... Người xưa cho rằng “*mang lạc thì mất làng*” từ do nhiều điềm xui rủi đã khiến Chợ Đồn ngày càng thưa thớt không còn sầm uất như xưa.

Có thể sau đợt trùng tu năm 1945, nhà hội Bửu Hoà Công Sở xoay mặt ra đường lộ thì chợ cũng được di dời sang địa thế mới do nhu cầu buôn bán và sự phát triển dân cư cùng sự nâng tầm hoạt động kinh tế. Chợ Đồn được dời sang khu vực như hiện nay, diện tích lớn hơn và cũng gần trung tâm giao dịch hơn.

Nghe kể lại khu vực chợ bây giờ xưa kia là gò cát, trên gò có một cây xộp lâu năm tàn rất to rễ già rũ xuống, xung quanh gốc xộp chỉ là cát trắng, không có cây cỏ gì mọc, ở phía vòng ngoài thì cây giang mọc thành bụi và bao quanh vùng gò cao. Khu vực này người dân vào hái đợt xộp (ăn có vị chua chua) và có lời đồn khu vực này có ma và có cọp dữ.

Thời gian 1954, quân đội Cao Đài đã chọn khu vực Chợ Đồn làm căn cứ quân sự (hiện nay còn dấu tích là Chùa Cao Đài). Sau đó người dân phải họp chợ nhóm ở khu vực chợ cũ phía sau nhà hội Bửu Hoà để buôn bán và tên gọi Chợ Đồn Cũ xuất phát trong thời gian này. Mãi sau 1956 – 1957, Chợ Đồn được trao trả lại người dân dời về buôn bán lại bình thường và phát triển như ngày nay.

Từ những năm được dời sang địa thế mới, Chợ Đồn đã qua nhiều lần sửa chữa, chợ có hai mặt thông vào bên trong lòng chợ, một cửa chính ở mặt tiền đường Tỉnh Lộ 16 (Bùi Hữu Nghĩa) và một mặt giáp với đường Quốc Lộ 1A, cổng chợ này bên trên có hàng chữ **CHỢ BỬU HOÀ**, hai bên trụ cổng có câu đối cũng khá lâu: “**Đông Tiến Xã Hội – Cải Tiến Dân Sinh**”.

Đến năm 2002, chợ được đại trùng tu và có diện mạo khang trang với tên Chợ Bửu Hoà. Những người dân quanh vùng và kể cả dân Biên Hoà đều quen gọi với tên thân thương Chợ Đồn. Như nhắc nhớ một quá khứ của cha ông từ thuở dựng làng lập ấp trên vùng đất này.



**Khu Nhà Lòng Sắt Chợ Đồn Cũ**





**Đám cưới đi qua Chợ Đồn Cũ**



**Chợ Bửu Hoà**



## 11. Cầu Gành

Theo nhiều người lớn tuổi sống gần cầu cho biết, cái tên Cầu Gành được đặt dựa vào địa thế của khu vực lòng sông xây dựng cầu. Nơi đây có nhiều gành đá lớn dưới lòng sông, mỗi khi thủy triều xuống, những tảng đá to lớn nổi lên, rong rêu, trải dài xuống tận khu vực làng Mỹ Khánh, người dân quen gọi là Khu Đá Hàn.

Tương truyền đây là những khối đá do dân chúng ném xuống để làm rào cản ngăn tàu giặc Pháp đánh chiếm Nam Kỳ, năm 1858. Thực hư ra sao không ai biết, song hiện giờ vẫn còn sót lại những khối đá to lớn, tàu bè đi qua khu vực này cũng rất thận trọng sợ bị va đập vào mạn thuyền làm hư hao.

Ở đây, cũng xin giải thích về hai tiếng Cầu Gành và Cầu Ghềnh, đây là do cách phát âm của dân địa phương, về mặt nghĩa của từ Ghềnh là ý chỉ ghềnh thác (đúng với địa lý của chỗ xây cầu), song người dân miền Nam thường phát âm trại thành chữ gành nên đã đặt tên là Cầu Gành. Về sau, có nhiều sửa đổi để cho đúng với phát âm trong tiếng Việt nhưng tên Cầu Gành được xem như một tên riêng và không sửa đổi gì thêm.

Cầu được xây dựng với chiều dài 223,30 m, cầu có kết cấu bằng sắt lúc trước trải nhựa sau được lát ván gỗ, có hai lối song hành ở hai bên và hệ thống đường sắt dành cho xe lửa ở chính giữa. Nghe nói Cầu Gành do kiến trúc sư người Pháp tên *Eiffel* thiết kế, ông cũng chính là tác giả của Tháp Eiffel nổi tiếng thế giới. Hệ thống Cầu Gành được nâng đỡ bởi ba trụ xây bằng đá rất to lớn băng qua một khoảng sông rộng, ba trụ móng này nâng một khối lượng sắt khá lớn, những nhịp cầu được làm hình vòng cung, gồm có 4 vòng, nên người dân quen gọi là “**Cầu Bốn Nhịp**” (phân biệt với Cầu Rạch Cát nhỏ hơn chỉ có 3 nhịp).

Hình dáng của Cầu Gành tương đối giống với Cầu Trường Tiền tại Huế. Điểm đặc biệt nhất là đến nay trải gần 100 năm cầu vẫn đang là tuyến đường chính xuyên Việt. Cầu là nhịp nối giữa hai bờ Bửu Hoà và Cù Lao Phố, nối đôi bờ xích gần lại với nhau. Hiện nay, những thanh gỗ lát lối song hành đã được tháo dỡ do quá cũ kỹ thay vào đó là các vi sắt. Những khi qua cầu nếu để ý một chút sẽ thấy được bậc đá xanh ở ngay đầu vào lối song hành, tảng đá được cắt vuông vức nối bờ đất và vi sắt đã có trên 100 năm, khối đá lồi xuống do bị ăn mòn của dòng xe cộ qua lại.

Nghe kể lại, ngày xưa ở hai đầu cầu nơi giáp của móng chót với thành cầu có viết ngày tháng năm xây dựng cầu, tiếc thay giờ đây đã không còn nữa. Vì vậy, cho đến nay năm xây dựng Cầu Gành vẫn còn là một ẩn số. Theo một số tài liệu tham khảo thì nhận định Cầu Rạch Cát xây dựng năm 1902, Cầu Gành xây năm 1903. Song theo nhiều nguồn thông tin khác thì cho rằng cầu xây dựng năm 1909, những căn cứ về Cầu Gành cũng dần mất hết chỉ còn lại chiếc cầu đứng đó chống chọi với thời gian, ngót hơn một thế kỷ, ngày ngày đón rước những chuyến tàu đi, về, cứ thế chuyên chở những toa xe ngược xuôi theo dòng lịch sử.....

## \* Huyền Thoại Việc Xây Cầu Gành

Tương truyền, theo lời kể của những con cháu trong dòng họ Lê ở Xóm Bánh Phồng, làng Bình Long, ông nội của họ là ông *Lê Văn Lang* (Hương Cồ trong làng Bình Long), thời còn trẻ, ông bị bọn Pháp bắt làm phu đào trụ móng cầu. Ngày xưa, công cụ đào rất thô sơ, dùng tôn sắt vẩy lại thành vòng tròn giữa lòng sông rồi tát nước bằng tay, sau đó dùng thang bắc xuống đào rồi xúc đất bằng sọt ra ngoài, khi đào càng sâu xuống lòng sông, lại càng thiếu không khí và ngột ngạt, phải thay đổi phu liên tục, người phu phải uống nước mắm sống để giữ ấm cơ thể khi xuống đào sâu dưới lòng sông. Bỗng một hôm, vào buổi sáng, khi các phu xuống hố sâu đào trụ cầu thì chợt thấy một ông già râu tóc bạc phơ, mặc một bộ áo dài đỏ, chít khăn nhiễu đỏ, quát lớn: ***“tụi bây đi lên, đi lên mau... bây xuống đây là bây chết”***. Lúc đó, trong giới phu làm việc rất hoang mang và lo sợ, vì nếu không làm thì bị bọn cai phu đánh đập, còn nếu xuống thì sợ đụng chạm đến thần linh, nên bèn lén lúc nghỉ trưa, xuống nơi xuất hiện ông lão kỳ lạ lập bàn hương án, cúng vái cầu khẩn thần linh. Sau đó thì hiển nhiên không còn thấy điều gì lạ nữa và công việc cũng rất suôn sẻ, thuận lợi cho đến lúc hoàn thành cầu.

Không biết việc kể trên thật hư ra sao, nhưng cũng là những chứng nhân lịch sử trong suốt quá trình hình thành chiếc Cầu Gành và những ký ức về những đổi thay lịch sử của vùng đất Bửu Hoà hơn trên mười hai thập kỷ.



Cầu Gành  
(Ảnh chụp từ trên phi cơ trước 1975)



**Cầu Gành**  
(hình được chụp vào khoảng 1919-1926)



**Cầu Gành**  
(Ảnh được chụp trước 1975)



**Cầu Gành**



**Cầu Gành**

## V. MỘT SỐ GIA ĐÌNH-DÒNG HỌ VÀ CÁC NHÂN VẬT NỔI TIẾNG Ở LÀNG BÌNH LONG

### 1. Họ Huỳnh-Họ Lê

Nói đến những cư dân sinh sống lớp đầu tiên góp phần kiến tạo nên làng Bình Long cần nhắc đến những dòng họ lớn đã hình thành lâu đời mà người ta thường gọi với cái tên thật kính trọng là **Kiến Họ**: Kiến Họ Huỳnh và Kiến Họ Lê.

Cả hai dòng họ này đều có bề dày lịch sử hình thành và ngày càng phát triển thêm nhiều chi nhánh. Không phải ngẫu nhiên mà ghép chung cả hai dòng họ vào một đề mục mà bởi vì cả hai họ này đều có những mối thâm giao và thông gia trong các chi hệ.

Tuy nhiên, vì là những cư dân mới đến lập ấp khoảng hơn 200 năm nay nên ý thức về ghi chép gia phả đều không được phổ biến, trong quá trình tìm hiểu về các chi phái, hệ phả gặp nhiều khó khăn và thiếu chính xác. Chủ yếu là do trí nhớ của các người lớn tuổi ngược lên khoảng 4 đến 5 đời về trước, lục tìm những bia mộ đa số là bằng đá ong không có bia khắc chữ, và một số khác bị bóc dỡ đi đều không còn lại vết tích.

#### \* Họ Huỳnh

- Gần khu vực Cầu Gành, đối diện Trường Tiểu Học Trần Văn Ôn cũ, phía gần sát bờ sông là đất cũ của dòng họ Huỳnh. Ông **Huỳnh Văn Vinh** là người từ đâu không rõ, chỉ biết ông trước sống ở khu vực Chùa Long Thiên, sau dời xuống nơi đây. Vợ ông Vinh có nghề làm đậu hủ, sau thời gian tích góp và mua sắm ruộng đất cũng dần trở thành gia đình khá giả, có tiếng trong làng. Ông Vinh là thân phụ của bà Huỳnh Thị Lang (vợ ông Huyện Thoại), ông còn là nội tổ của ông Huỳnh Văn Anh (Hai Tùng), thân phụ của bà Huỳnh Ngọc Nữ (Dân Biểu Quốc Hội Việt Nam Cộng Hoà). Tuy chi họ Huỳnh này số lượng con cháu tính đến hiện nay chỉ khoảng hơn 100 người, nhà cũ của ông Huỳnh Văn Vinh cũng không còn nữa, song cũng được coi như một bước đánh dấu sự phát triển trong việc hình thành đời sống của những cư dân đầu tiên.

- Ở thôn trung làng Bình Long, khu vực Xóm Bánh Phồng có một ngôi mộ cũng khá lâu đời được xây vòng thành rất đẹp và vững chắc. Đó là mộ phần của ông Huỳnh Văn Cung, nhưng ông này không có con nối dõi nên nhận một người con nuôi là ông Ngô Văn Tá (Sáu Tá), làm nghề bún. Đến nay ngôi nhà từ đường của ông Cung nằm gần với khu mộ, do con cháu họ Ngô quản lý.

- Nằm gần ngã tư Chợ Đồn có nhà thuốc Tây với bảng hiệu Huỳnh Ngọc. Chủ tiệm là con của ông Huỳnh Kim Nhơn thuộc hệ con cháu của dòng họ Huỳnh ở khu vực thôn thượng làng Bình Long cũng là một dòng họ giàu có nổi tiếng trong vùng, đến nay dòng họ tồn tại cũng hơn 6 đời với hơn 20 người.

Không rõ nguồn gốc tổ tiên từ đâu đến, chỉ biết đời ông Huỳnh Kim Tâm có nhiều người con nay đã lưu lạc đi nơi khác, chỉ có ông Huỳnh Kim Vạn (làm nghề khai thác đá người dân thường gọi là Cò Mi Vạn) sau đó sinh ra ông Huỳnh Kim Phú và Huỳnh Kim Nhơn nối tiếp dòng họ Huỳnh. Đến nay có ông Huỳnh Kim Hữu, sinh năm 1951 con trai ông Huỳnh Kim Phú, được xem là người lớn nhất trong họ. Ông Hữu cho biết theo giấy tờ hộ tịch của ông nội và cha ông thì đều sinh trưởng tại Làng Bình Long, dòng họ Huỳnh đến nơi đây lập nghiệp ước tính cũng gần 200 năm. Dòng họ Huỳnh còn có một ngôi nhà từ đường xây theo kiến trúc Pháp khá đẹp hiện đang bị xuống cấp theo thời gian và dòng họ cũng đang có dự định trong việc trùng tu, tôn tạo, bảo quản những giá trị truyền thống của ông cha để lại.

### \* **Họ Lê**

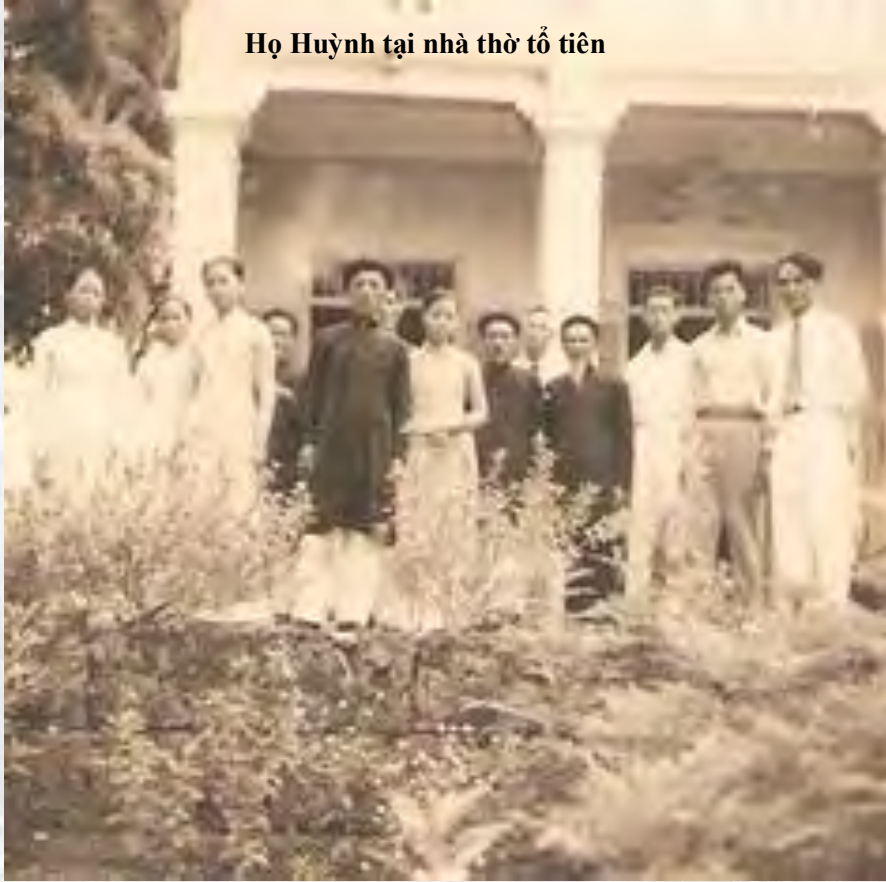
Chi phái họ Lê đều là cư dân mới đến chỉ khoảng hơn 100 năm nay, ông cố tổ **Lê Văn Huân** dân gốc trong Làng Tân Bản. Chi ông Lê Văn Trước sinh ra ông Lê Văn Lang (Cò Dừa) là người làm nông nổi tiếng trong vùng về việc làm ăn lớn, ông làm việc theo mùa vụ, trồng hoa màu, trồng mía làm đường và lãnh thêm ruộng lúa của ông Huyện Thoại ở Bến Gỗ mỗi năm đong lúa ruộng hơn vài trăm dạ. Đến hệ ông Lê Văn Át, con út của ông Lang cũng đã hơn 4 đời, hiện nay con cháu ông Át đang ở và giữ gìn nhà thờ dòng họ Lê, con cháu chi họ Lê này cũng khoảng trên 50 người.

Một số chi phái họ Lê khác nằm rải rác ở khu vực gần Chợ Đồn cũ, bà Lê Thị Sửu quê gốc ở Tam Phước-Long Thành, bà Sửu lấy ông Bành Sồi một thương nhân người Hoa quê gốc Thượng Hải chuyên buôn mặt hàng bánh phồng, ông bà sinh ra ông Lê Văn Trinh và ông Lê Văn Chi (con cháu hiện thời của ông Chi có tiệm sửa xe Lê Mỹ gần Chợ Đồn cũ). Chi nhánh này con cháu cũng độ khoảng hơn 50 người và có trên 5 thế hệ sống ở khu vực làng Bình Long. Dòng họ Lê chủ yếu làm nghề nông và buôn bán nhỏ, tuy không nổi trội bằng dòng họ Huỳnh song lại có truyền thống gia phong, lễ giáo không kém các kiến họ khác.

## **2. Gia Đình Ông Hai Sao - Hai đời làm nghề bốc thuốc Bắc**

Nhắc đến thầy thuốc Bắc có tiếng của làng Bình Long, những thập niên 50-60 của Thế Kỷ XX, người dân đều nhớ ngay đến thầy **Hai Sao** với nghề bốc thuốc Bắc và có tiệm thuốc lớn nhất Chợ Đồn thời bấy giờ. Ông tên thật là **Hứa Văn Sao**, sinh năm 1914 tại Làng Bình Long, Tổng Phước Chánh, Tỉnh Biên Hoà. Thân phụ là ông Tống Văn Mót, thân mẫu là bà Hứa Thị Kết. Sinh ra trong một gia đình nho giáo, nề nếp, ông theo học khoá học ở trường Đông Phương Y Dược (Sài Gòn) từ ngày 01/7/ 1952 đến ngày 18/3/1953, và tốt nghiệp hạng ưu (đứng thứ 5). Sau đó, ông về quê hành nghề chữa bệnh. Tài thuật chữa bệnh chẳng mấy chốc vang danh khắp vùng và cả các vùng lân cận như Tân Ba, Tân Uyên... cũng biết danh Thầy Hai Sao, dân chúng tìm đến xin được chữa bệnh rất đông. Ngày trước, tiệm thuốc Bắc của Thầy Hai Sao mở đối diện với Chợ Đồn cũ, cách con đường lộ. Tiệm thuốc này vào hàng tiệm lớn nhất ở Chợ Đồn thời bấy giờ, sau đó được dời về tư gia hoạt động cho đến lúc ông qua đời ngày 05/4/1985. Nổi nghiệp cha, ông Hứa Văn Trọng, trước là Giáo Viên Trường Tiểu Học Hoá An, cũng học nghề thuốc, sẵn có nghề nghiệp từ cha, nghiên cứu sách thuốc do thân phụ để lại, đến nay ông vẫn duy trì phòng thuốc tại tư gia như một nghề truyền thống từ gia đình để chữa bệnh giúp đời.

Họ Huỳnh tại nhà thờ tổ tiên



Ngôi nhà thờ của dòng họ Huỳnh



**Chân dung Thầy Hai Sao bên bàn làm việc**



**Bản kẽm để in trên bao thuốc của tiệm thuốc Thầy Hai Sao**





### 3. Ông Huyện Thoại (Nguyễn Văn Thoại)

Ông sinh năm 1882 (Nhâm Ngọ), người làng Tân Phú (Chợ Nhỏ, Thủ Đức), thân phụ là ông Nguyễn Văn Lương và thân mẫu là Phạm Thị Tường, thuộc gia đình khá giả trong vùng lúc bấy giờ. Lúc còn nhỏ ông Thoại được cho đi học hành, là người thông thạo ba ngôn ngữ: chữ Quốc Ngữ, tiếng Hán và tiếng Pháp. Ông là người có học vấn uyên thâm, được nhiều người trong vùng trọng vọng.

Ông từng giữ chức Hội Đồng Quản Hạt, sau đó ra giữ chức Hội Đồng Xã Bửu Hoà. Địa danh Bửu Hoà cũng do chính ông Thoại đặt. Đến tuổi về hưu, ông được Tỉnh Trưởng và Hội Đồng Hành Chánh Tỉnh Biên Hoà phong hàm chức Huyện, nên người dân quen gọi là Ông Huyện Thoại.

Ông Thoại kết duyên cùng bà Huỳnh Thị Lang sinh năm 1882 (Nhâm Ngọ), người làng Bình Long, Bửu Hoà, thân sinh là ông Huỳnh Văn Vinh. Ông Thoại và Bà Lang sinh được 07 người con. Ông Thoại mất ngày 07 tháng 12 năm 1962 (Nhâm Dần), bà Lang mất ngày 11 tháng 8 năm 1968 (Mậu Thân).

Sinh thời ông là người đạo đức, nhân từ, tu hành theo Phật Pháp, mỗi khi đi làm việc làng ông thường mặc áo dài đen, quần trắng, đầu bịt khăn xếp bằng nhiễu đen... Ông đã cất công cho xây dựng một ngôi nhà hoàn toàn theo kiến trúc Pháp.

Với chất liệu xi-măng cốt sắt, ngôi nhà được xây dựng từ năm 1916 (Bính Thìn) đến nay vẫn còn nguyên vẹn, chứng nhân cho những thời kỳ phát triển của người dân Bửu Hoà. Ngôi nhà được xem là to đẹp bề thế nhất vùng thời bấy giờ.



#### **4. Ông Quán Quới (Đặng Văn Quới)**

Ông sinh ngày 19/10/1888 (Mậu Tý), tại Làng Bình Long, Tổng Chánh Mỹ Thượng, Tỉnh Biên Hoà. Thân phụ là ông Đặng Văn Phú (Đặng Ban Liêng), thân mẫu là bà Huỳnh Thị Thà (Ao Thị Thà). Gia đình ông Quới gốc người Hoa làm nghề buôn bán và cũng thuộc gia đình khá giả trong làng Bình Long thời bấy giờ.

Thuở nhỏ ông Quới có sự say mê về điêu khắc và mỹ thuật nên đi học Trường Mỹ Nghệ Biên Hoà từ năm 1903, đến năm 1909 tốt nghiệp Ban Đức. Sau đó được giữ lại giảng dạy tại trường từ năm 1909 đến 1943. Ông dạy các môn điêu khắc gồm, đồng và đá nhân tạo...

Các học trò trường mỹ nghệ thường gọi ông Đặng Văn Quới là Thầy Nhứt - Thầy Quán Quới (quản ở đây là người trông coi) vì thế người dân trong làng Bình Long cũng quen gọi là ông Quán Quới.

Ông Quới có 4 người con trong đó có ông Đặng Văn Lâu một người làm ăn khá thành đạt trước năm 1975, ông Lâu có tiệm chụp ảnh tên Studio d'Art ở chợ Biên Hoà những năm 1942, rồi đến tiệm chụp ảnh Mỹ Dung, là một trong những tiệm chụp ảnh đầu tiên của tỉnh Biên Hoà.

Sinh thời ông Quới là người nghiêm nghị, song ông là một bàn tay tài hoa về điêu khắc gốm và đồng. Ông được xem là một trong số những người thầy đầu tiên của Trường Mỹ Nghệ Biên Hoà đã đào tạo nhiều thế hệ học trò mỹ nghệ tài năng.

Ông Quới mất ngày 12/3/1955 (nhằm ngày 19 tháng 2 năm Ất Mùi) hưởng thọ 68 tuổi. Phần mộ của ông cũng là một tác phẩm nghệ thuật hiện nằm trong khu đất của ông Lê Văn Ất.



## 5. Ông Đốc Ôn (Trần Văn Ôn)

Ông Trần Văn Ôn, người dân làng Bình Long quen gọi là Ông Đốc Ôn. Ông sinh 3/5/1898 (Mậu Tuất), tại Làng Mỹ Khánh, Tổng Chánh Mỹ Thượng, Tỉnh Biên Hoà. Thân phụ là Ông Trần Văn Như và thân mẫu là Bà Lê Thị Cao.

Được biết Ông là một người tài giỏi về bộ môn điêu khắc, mẫu người hiền lành, một thầy giáo đức độ, góp phần làm nên lịch sử hình thành và phát triển của Trường Mỹ Nghệ Biên Hoà.

Trần Văn Ôn được xem là vị Hiệu Trưởng người Việt đầu tiên của Trường Mỹ Nghệ Biên Hoà.

Ông giảng dạy tại Trường Mỹ Nghệ Biên Hoà môn điêu khắc từ năm 1935 đến 1955. Từng giữ chức Hiệu Trưởng Trường Mỹ Nghệ Biên Hoà những năm 1945, 1947-1948, 1950-1955, nên người dân quen gọi là Ông Đốc Ôn (Giám Đốc Trường Mỹ Nghệ Biên Hoà).

Ông từng được Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà Nguyễn Văn Thiệu trao Chương Mỹ Bội Tinh Đệ Nhị Hạng (1973, Quý Sửu).

Ông Đốc Ôn kết duyên cùng bà Đặng Thị Quý (Hai Nữ) con gái Ông Quán Quới, ông và bà sinh được một người con gái.

Ông mất ngày 9/12/1979 (Kỷ Mùi), tại Bệnh Viện Chợ Rẫy do bị tai nạn giao thông ở Tân Vạn, Biên Hoà.



## 6. Ông Cả Kỳ (Đỗ Văn Kỳ)

Ông Đỗ Văn Kỳ sinh năm 1888 (Mậu Tý), tại Làng Bình Long, thân phụ là ông Đỗ Văn Cao và thân mẫu là bà Nguyễn Thị Tú. Ông Kỳ sinh ra trong một gia đình tương đối khá giả, đã hơn 3 đời sinh sống tại làng Bình Long từ thuở lập làng, tổ tiên của ông cũng được xem như những cư dân đầu tiên của làng Bình Long.

Thuở trước Ông Kỳ tham gia việc làng, trong Ban Hương Chức Hộ Hương làng Bình Long, đến chức Chánh Bái.

Ông là người có tính cách nghiêm khắc, rất kỹ lưỡng trong việc làng, đình, miếu và phong tục lễ nghi, người dân rất kính trọng và thường gọi ông với tên quen thuộc là Ông Cả Kỳ. Ngoài việc làng ở nhà ông trồng bưởi, vườn bưởi nhà ông tươi tốt cũng thuộc dạng lớn nhất trong vùng.

Ông kết duyên cùng bà Nguyễn Thị Liễu và sinh được 3 người con, trong đó có ông Đỗ Văn Nam sinh năm 1937 (Đinh Sửu), tốt nghiệp Trường Mỹ Nghệ Biên Hoà năm 1956. Ông Đỗ Văn Kỳ mất ngày 31/8/1979, năm Kỷ Mão, hưởng thọ 92 tuổi.

Ông Ba Nam hiện nay là người kế tự của dòng họ Đỗ. Năm 1970, Ông Nam mở xí nghiệp gốm mỹ nghệ với phương pháp dây chuyền sản xuất khá tối tân. Hiện nay, khu đất nhà ông Kỳ được ông Nam sử dụng làm lò gốm Kim Long, nằm sát cạnh chùa Long Thiên, cách bờ sông Đồng Nai khoảng hơn 10m. Lò gốm sản xuất các mặt hàng gốm mỹ nghệ rất độc đáo bán ra thị trường nước ngoài.

## \* Phụ lục

### Đặc Sản, Ngành Nghề và Di Tích Lịch Sử

#### 1. Bánh Phồng

Làng Bình Long với món bánh phồng nổi tiếng nhờ có một xóm ở thôn trung của làng được gọi là **Xóm Bánh Phồng** với các nóc gia chuyên làm món bánh này, đây cũng là những cư dân hành nghề bánh phồng sớm nhất trong khu vực Biên Hoà – Gia Định những năm 30 – 40 của thế kỷ trước.

Bánh phồng là món ăn chơi hay thường được làm những dịp gần Tết. Các bậc cao niên sau khi ăn cơm xong thì ăn một miếng bánh rồi uống nước trà, trẻ nhỏ thì ăn bánh phồng kéo một lớp đường mạch nha ở trên cho thêm ít cơm dừa bào. Những món ăn thôn quê vào những buổi trưa hè, đã in sâu vào ký ức tuổi thơ của những người dân xứ Bưởi.

Cách làm bánh phồng cũng đơn giản. Nếp được chọn những hạt tốt nhất, không lẫn gạo, rồi đem ngâm nước trong ba ngày. Nếp ngâm nước nên mềm và được đem đi hấp, sau đó đem quét (giã bằng cối để nếp thành bột), trong lúc quét cho thêm nước đậu nành, chút đường, muối tạo vị và chất béo cho bánh. Nếp quét thành bột được chia thành những phần nhỏ tròn tròn rồi cán mỏng như bánh tráng, sau đó đem phơi khoảng 3 đến 4 tiếng. Bánh đã ráo đem vào rồi áo một lớp đường (nhúng vào nồi nước đường đang sôi) sau đó đem phơi lại một lần nữa là thành phẩm, khi ăn thì nướng bánh lên, bánh sẽ bung to và giòn rụm. Công việc làm bánh tuy vất vả qua nhiều công đoạn nhưng khi thành phẩm quả là món ăn giàu dư vị quê hương. Mùi thơm của nếp mới, thoang thoang mùi đường, khi cắn vào thì giòn và tan trong miệng, đọng ở cuống họng vị ngọt thanh của đường mía lau. Ngày nay nghề bánh phồng ở làng Bình Long đã mai một, địa danh Xóm Bánh Phồng cũng chìm vào kỷ niệm nhưng vẫn nhắc nhớ về một ngành nghề truyền thống của cha ông từ xa xưa.



Nếp sau khi đã quét được chia từng phần



Cán bột để định hình bánh

## **2. Cổ Bánh (cúng vào dịp Rằm Trung Nguyên, tháng 7 Âm Lịch)**

Tháng 7 Âm Lịch là mùa Vu Lan Thắng Hội của tín ngưỡng Phật Giáo, lễ cúng thí rế được diễn ra tại các chùa. Tại làng Bình Long hiện nay vẫn còn gia đình của ông Lê Văn Át, ở Xóm Bánh Phòng vẫn còn lưu truyền cách làm cổ bánh cúng thí rế, từ ngày xưa cha ông truyền lại. Cách làm cổ bánh này nay cũng thuộc hàng hiếm thấy, vì cách làm đã dần mai một ở nhiều nơi.

Cổ bánh hình chóp nón, khung sườn làm bằng loại tre to. Từ gốc, thân tre được chẻ ra làm tám, phần trên phải chừa một lóng để cắm cây cờ nằm giữa bút sen (bút sen đan bằng trúc) được phát giấy và gắn các cánh hoa nhuộm màu hồng hoa sen, chạy viền bên dưới bằng giấy màu xanh lá cây được giùm lại. Tám thân tre được bung ra làm sườn bằng vòng tròn nhỏ bên trên và lớn dần xuống dưới, xong được phủ giấy bồi nhiều màu. Cổ bánh hoàn tất được dùng để gắn kết những loại bánh trong lễ cúng thí rế như: bánh quy, bánh cúng, bánh cấp, cả các loại thịt quay, trứng vịt, tôm... Cổ bánh thường đơm (gắn lên) các loại bánh cúng, những cổ bánh quy được đơm hình chữ vạn, hình hoa sen rất đẹp, song song đó cũng có cổ Tam Sơn (thịt heo luộc, trứng vịt luộc và tôm luộc) và cả cổ thịt heo quay, vịt luộc... nhìn chung tên gọi là cổ bánh nhưng cũng rất đa dạng về hình thức trình bày đồ cúng. Các cổ bánh thường do các gia đình dâng cúng các chùa góp vào lễ cúng thí rế, hay các chùa tự làm. Nghe kể lại ngày trước, vào dịp Lễ Vu Lan, chùa cúng lễ rất lớn, khi có cổ bánh do Phật Tử dâng cúng đến chùa, bên trong chánh điện nổi trống bát nhã đón cổ, có khi tiếng trống rền suốt cả ngày không ngớt.

Mong rằng cách làm cổ bánh này sẽ được lưu truyền cho nhiều thế hệ mai sau, như giữ gìn một bản sắc riêng cho dòng văn hoá dân gian truyền thống của các tiền nhân lưu truyền, để những thế hệ trẻ hiểu thêm và yêu quý các giá trị văn hoá mà cha ông đã dày công tạo dựng trên mảnh đất Bình Long này được như ngày nay.

## **3. Các Lò Lu – Lò Gạch – Nghề Gốm**

Một trong những ngành nghề truyền thống lâu đời trong khu vực làng Bình Long không thể không kể đến là các nghề làm lu, hủ, gạch và mặt hàng gốm mỹ nghệ. Không biết nghề làm lu và gạch xuất hiện từ khi nào, chỉ biết các loại hình sản xuất này tồn tại không lâu chỉ trong khoảng vài chục năm song lại phát triển cực thịnh và có tiếng không kém các vùng lân cận như Tân Vạn, Hoá An (Chợ Lò Lu).

Nhắc đến các lò lu và lò gạch, người làng Bình Long vẫn còn nhắc nhớ những chủ lò có tiếng nhất như ông Hai Tững (Lưu Thành Trung), ông Sáu Vinh (Lưu Quảng Vinh), ông Hai Cửa... Ban đầu, khu đất ở khu vực Xóm Bánh Phòng – gần Miếu Năm Ông hình thành lò gạch với quy mô rất lớn của anh em ông Hai Tững và Sáu Vinh, phát triển rất thịnh, xe chở đất về làm gạch và lò nung suốt ngày đêm không ngơi nghỉ. Sau đó, những năm 1980 lò gạch phân hai và một bên sản xuất gạch và một bên sản xuất lu. Mặt hàng lu thời điểm này bán rất chạy cho thị trường đồng bằng sông Cửu Long.



**Quang cảnh một Xưởng Gốm**



**Điêu Khắc Gia Năm Trí**

## 4. Nhà Cổ Huyện Thoại

Toạ lạc gần khu vực Chợ Đồn cũ, trong con hẻm đối diện trường Tiểu Học Trần Văn Ôn cũ, có ngôi nhà cổ xây theo kiến trúc Pháp rất đẹp, tuy đã ngã màu rêu theo thời gian, song những đường nét mỹ thuật và sự chắc chắn vẫn còn hiện rõ trong từng chi tiết của ngôi nhà. Người dân quanh vùng quen gọi với danh xưng Nhà Ông Huyện Thoại. Thuở trước, khi nhà cửa chưa xây cất như hiện nay, ngôi nhà thuộc dạng to đẹp nhất vùng Bửu Hoà thời bấy giờ, đổ dốc từ ngã tư Chợ Đồn theo hướng lên Hoá An đi ngoài đường lộ đã thấy ngôi nhà vươn cao bề thế dưới một vườn bưởi xanh um phía trước.

Căn nhà này được ông Nguyễn Văn Thoại đứng ra cho thợ xây cất từ tháng Giêng 1916 đến tháng Chạp thì hoàn thành, thời gian trang trí nội thất kéo dài thêm 1 năm nữa. Kiểu dáng ngôi nhà do ông Thoại đi đây đó, xem các công trình nhà cửa nhiều nơi, tự phác hoạ và cho thợ xây theo ý thích, đây là ngôi nhà theo kiểu kiến trúc Pháp xuất hiện đầu tiên ở vùng đất này. Trước đây, ngôi nhà có một dãy nhà gỗ 3 gian hai chái phía sau được nối với ngôi nhà phía trước bởi một nhà nối, tạo thành hình chữ Đỉnh. Ngôi nhà phía sau dùng để chứa lúa và nông cụ, còn ngôi nhà tô phía trước dùng để thờ phượng, ở và sinh hoạt gia đình, bên trong nhà nối có để bàn tròn bằng gỗ cây cao su dùng vào việc ăn cơm mỗi ngày. Sau đó được sửa lại bằng cách xây dựng hai nhà cầu hai bên theo dáng chữ U để nối với căn nhà gỗ phía sau, chính giữa có 1 khoảng sân làm giếng trời, được trải sỏi trắng và đặt băng ghế để ngồi chơi. Ngày xưa, khi vùng này nhà cửa còn thưa thớt, trước mặt tiền ngôi nhà là một khoảng vườn lớn đi từ xa ngoài đường lộ (nay là đường Bùi Hữu Nghĩa) chỉ thấy mỗi ngôi nhà này rất cao to và đẹp. Người dân nơi đây quen gọi ngôi nhà này là nhà Ông Huyện.

Trước tiên khi đến gần ngôi nhà, sẽ bắt gặp một hàng rào bằng xi-măng đúc nhưng có những hoa văn, kiểu mẫu Hán tự chữ Thọ rất độc đáo, chạy dọc phía trước ngôi nhà nhưng rất thoáng và làm tăng thêm nhiều góc độ để nhìn ngắm nội viên bên trong. Khi vào khuôn viên bên trong sẽ thấy hết được tầm vóc đồ sộ của ngôi nhà. Tổng diện tích xây dựng ngôi nhà khoảng 100m<sup>2</sup>, nằm theo hướng Tây Nam cách sông Đồn Nai khoảng 50m. Nóc lợp ngói vảy cá (ngói móc), trên đỉnh có đặt một bộ chấn nóc với các hoa văn bằng xi-măng đúc rất đẹp. Trước kia, ở hai đầu chấn nóc có hai cột thu lôi bên trên có gắn hai bình hoa bằng sứ Nhật Bản màu trắng, rất tiếc nay đã bị vỡ. Bộ mái ngói được lợp đều nhau và rất công phu, vì thế ngôi nhà tồn tại hơn 90 năm nhưng vẫn không có hiện tượng tụt ngói hay rỉ nước mỗi khi có mưa. Thoạt nhìn có vẻ bộ nóc hơi chênh lệch so với hình dáng của ngôi nhà, song khi nhìn tổng quan thì chính bộ nóc đã làm cho vị thế ngôi nhà trở nên đồ sộ, bề thế hơn.

Tổng độ cao từ chân móng đến nóc nhà cũng bằng với chiều cao của ngôi nhà lầu một tầng. Các bộ vì kèo, rui và mè để nâng đỡ mái ngói đều làm bằng gỗ cây dầu lâu năm, rất cứng và dày, trải qua ngót gần một thế kỷ nhưng vẫn không hề bị mối mọt hay thời tiết làm suy yếu. Bên trong của bộ nóc còn được dùng như một căn gác, trước đây dùng làm phòng thờ, trận lụt năm Nhâm Thìn 1952 làm ngôi nhà chìm trong nước, duy chỉ có phần nóc nhà không bị ngập nước, đồ đạc được chuyển lên căn gác này để tránh bị nước lũ làm hư hại.



Nhà được xây bằng tường gạch thẻ, dày khoảng 20cm được kết dính bằng vôi vữa. Một điều đặc biệt nhất là trong thời điểm này các nhà giàu có thường làm nhà bằng cột gỗ theo kiểu nhà Trính, rồi xây tường bao quanh, còn căn nhà này được xây dựng toàn bộ bằng tường và cốt sắt, đó là điều khác biệt và cho thấy được sự phát triển trong cách thức xây dựng nhà cửa, cũng như ý thức tiếp thu nét mới trong phong cách kiến trúc ở giai đoạn này. Nền của căn nhà được xây cao bằng đá da quy (đá xanh Bửu Long hình lục giác), cách mặt đất hơn 1m. Nghe kể lại rằng phần nền móng vì xây cao nên tốn hao rất nhiều đất để đổ vào, phải vận chuyển đất bằng ghe và do sức người bốc lên. Nền móng được xây dựng ròng rã gần 3 tháng mới xong, phu làm nền phải dọn nền cả sáng lẫn tối nên phần móng rất vững chắc.

Bước lên những bậc tam cấp để vào trong mái hiên nhà, đã nhận được sự khác biệt về nhiệt độ, có vẻ mát mẻ hơn khí hậu oi bức vào những ngày Hè ở bên ngoài. Dãy hành lang rộng lớn và được ốp la-phông trần, dãy hiên được nâng đỡ bởi những hàng cột vuông và tròn trên mỗi đầu cột có trang trí hoa văn theo kiểu Gothic và những mái vòm cong thật hoa mỹ. Ở hai đầu hành lang mái hiên đều có bậc lên xuống làm cho dãy hành lang thêm thoáng đãng và rộng rãi, các hoa văn trang trí trên mặt tiền hành lang đều được đắp rất tỉ mỉ và công phu.

Mặc dù theo lối kiến trúc Pháp, song ngôi nhà vẫn mang dáng dấp theo phong cách Việt. Mặt tiền vẫn là 3 bộ cửa và bên trong phân làm ba gian phòng, hai gian phòng bên đều có cửa lùa thông với gian chính giữa. Ngôi nhà có tổng cộng 5 gian phòng, 4 gian phòng phụ đều có lối thông với gian phòng chính được sử dụng làm phòng khách và phòng thờ, mỗi phòng đều có cửa sổ để lấy ánh sáng. Hai gian phòng phía trước được sử dụng làm phòng đọc sách, hai gian phòng phía sau làm phòng ngủ, gian phòng bên trái có một cầu thang gỗ dẫn lên phần gác bên trong phần nóc nhà.

Ngôi nhà cổ này mặc dù đã trải qua nhiều năm và do nhiều lần bị ngập nước lụt làm cho những mảng tường hoa trang trí trong ngôi nhà bị hư hại, tường trong căn phòng chính dùng làm phòng khách đã bị thay đổi màu sơn, không còn như xưa, song một số còn lại vẫn còn nguyên vẹn, thể hiện sự khéo léo trong lối trang trí của người thợ ngày xưa.

Theo lời kể của bà Thanh thì toàn bộ những vật liệu trang trí như: song sắt cửa sổ, kính màu của cửa chính, gạch bông lát nền... đều là những vật liệu đặt mua từ Pháp. Những đồ vật sử dụng và bày trí trong ngôi nhà được giữ lại gần như nguyên vẹn: những bộ ghế mây kiểu Louis, những chiếc bàn tròn chân chạm cá hóa long, các bộ đi-văng gỗ, các tủ rượu... tất cả vẫn còn nguyên đó, màu gỗ bóng ánh lên cùng thời gian.

Theo lời thuật lại, cách bày trí nội thất ngày xưa của ngôi nhà như sau: gian phòng chính được xây dựng một vách ngăn bằng những cột tròn, đỡ mái hình vòng cung cũng được trang trí hoa văn rất tinh tế, vách ngăn này rất thoáng chỉ là cách để phân chia không gian theo đúng quy cách của nhà xưa Việt “**Nội Tụ - Ngoại Khách**”.

Phía bên ngoài vách ngăn dùng làm phòng khách, trước đây có đặt bộ salon kiểu Pháp khung gỗ, ghế nệm, được bịt đồng các tay nắm và chân ghế (sau này đã được chuyển sang Pháp tặng cho người con trai của Ông Thoại). Bên trong vách ngăn là gian thờ, chính giữa đặt tủ thờ cẩn ốc xà cừ thờ nội tổ, phía trước đặt bàn tròn cũng như cách bày trí hiện nay.



Toàn cảnh nhà cổ Huyện Thoại



Nội thất nhà cổ Huyện Thoại



Phong cách thờ tự  
bên trong nhà cổ Huyện Thới



Cửa lùa kiểu Pháp  
với kỹ thuật chạm trổ độc đáo



Gạch bông lát nền mua từ Pháp



Tủ rượu theo kiểu Pháp



Hành lang nhà cổ Huyện Thoại

## 5. Nhà Cổ Quán Quới

Nằm ở gần sát bên sông khu vực Chợ Đồn cũ, cách Miếu Bà Ngũ Hành không xa, ngôi nhà này đại diện cho mẫu kiến trúc kết hợp giữa Á và Âu, được hình thành tương đối sớm ở vùng đất này. Vì chủ nhân ngôi nhà là một thầy giáo trường Mỹ Nghệ Biên Hoà những năm 1909 cũng vào bậc tài nghệ, nên ngôi nhà cũng có một dáng dấp, phong cách trang trí độc đáo riêng. Trải bao thăng trầm đến nay ngôi nhà được bảo tồn gần như nguyên vẹn.

Ngôi nhà được ông **Đặng Văn Quới** cho thợ xây cất vào khoảng đầu Thế Kỷ XX, kiểu dáng căn nhà là sự kết tinh trong lối kiến trúc hoà hợp Đông Tây, sức sáng tạo của một tay nghề mỹ thuật lão luyện. Nhà dựng theo kiểu Trính, nóc lợp ngói vẩy cá (ngói móc), cột chính cao to, các vì kèo, tam son, áp quả đều được gọt dũa và chạm khắc hoa mỹ. Phần thảo bực phía trước được xây dựng theo kiểu kiến trúc Pháp làm mặt tiền nhà, vói lang cang, mái vòm và cột đỡ, đầu cột trang trí theo kiểu Gothic. Quanh nhà được xây tường gạch, trên tường không thể thiếu những mẫu trang trí hoa văn, gọi là tường hoa. Nét độc đáo ở ngôi nhà phải kể đến các hoa văn trang trí đắp nổi ở phần mặt tiền do chính tay ông Quới thực hiện, rõ rệt nhất là các hoa văn đắp trên ba bộ cửa chính. Tuy hoa văn theo lối phong cách Pháp, thường thấy các chủ đề trang trí như hoa hồng, bông lúa, ngôi sao... song ở đây lại khác hẳn, hình ảnh con dơi và vòng nguyệt quế được vận dụng một cách khéo léo khi đưa vào đề tài trang trí, đó là nét đặc biệt, tiêu biểu cho thấy sự sáng tạo trong phong cách trang trí của bậc thầy mỹ thuật Biên Hòa xưa.

Nhà được lát gạch tàu, theo hàng xéo đây là dạng thông thường trong các ngôi nhà cổ. Nội thất bên trong được pha lẫn giữa phong cách Á Đông với lối thờ tự theo kiểu Trung Hoa, vì cha mẹ của ông Quới là người gốc Hoa, nhưng các vật dụng như tủ, bàn, ghế đều theo phong cách Tây Âu. Theo kiểu nhà Trính nên toàn gian phòng trước là một sảnh rộng, được phân gian bởi những hàng cột, bên ngoài dùng để tiếp khách và bên gian trong dùng để thờ tự. Chính giữa thờ Phật, hai bên thờ ông bà nội - ngoại, hai bên bàn thờ chính có hai cửa thông ra phía sau. Vách ngăn giữa nhà trước và phòng sau được dựng bởi khung tranh thờ và các ô kính màu xung quanh, tạo hình dạng khá đặc sắc và rất sáng sủa, các bộ bàn ghế đều được đặt đóng theo kiểu dáng thời Pháp với mặt bàn bằng đá cẩm thạch, chất liệu gỗ cũng thuộc dạng quý hiếm như gỗ đỏ, gỗ mật, cẩm lai... đến nay hiện trạng bày trí từ nội thất đến bàn ghế vẫn giữ nguyên như xưa. Nguồn gốc của gia đình được phản ánh rõ nét qua các bài vị tổ tiên trên bàn thờ, các linh vị này được trân trọng phủ một tấm vải nhiễu đỏ có kết hoa ở đỉnh, đó là phong tục thờ tự riêng biệt của người Hoa. Các phần trang trí phụ như một số khung cửa chính và cửa thông ra phía sau được chạm lộng rất tinh xảo, các mảng tường vẽ hoa đều rất hài hòa tạo cảm giác nhẹ nhàng và tăng thêm tính mỹ thuật cho căn nhà. Nói đến phần nội thất ngôi nhà không thể không nhắc đến các tác phẩm nghệ thuật của ông Quới được bày trí bên trong như tượng chân dung cha mẹ ông, được đúc đồng đặt trên bệ cao hai bên gian tiếp khách, bộ lu đồng được tạo tác độc đáo và công phu, đến nay cũng vào hàng độc nhất vô nhị. Tất cả đã phản ánh sự thâm thúy và tinh tế trong tay nghề lão luyện của một bậc thầy Trường Mỹ Nghệ Biên Hòa xưa.



**Nhà cổ Quynh Quoi**



**Nội thất nhà cổ Quynh Quoi**



Một góc bên trong nhà cổ Quảng Quới



Bàn thờ tổ tiên ở nhà Quảng Quới



**Bộ lư đồng theo mẫu của Ông Quán Quới**



**Tượng đồng thân mẫu Ông Quán Quới  
do Ông thực hiện**





**Phù điều đắp nổi trên cửa nhà cổ Quán Quới**



**Phù điều đắp nổi trên cửa nhà cổ Quán Quới**



**Một đám rước dâu ở Làng Bình Long**



**Lễ phục ngày cưới của cô dâu chú rể**



**Chân dung một phụ nữ Làng Bình Long**



**Các Thầy Trường Mỹ Nghệ Biên Hoà và các Bô Lão Làng Bình Long**



**Chân dung Ông Đốc Ôn mặc lễ phục**



**Lễ phục truyền thống của Ông Đốc Ôn**

Hương chữ Hồ Hương cấp Bình Long  
 cũ Đại ngày 15 tháng 12 năm Quý Mão  
 năm năm 1964

- |    |   |    |                                     |
|----|---|----|-------------------------------------|
| 1  | hương chữ Bồ văn Kỳ                                   | 26 | Hương chữ Bình văn Bình             |
| 2  | cả hương Trần Ngọc Cầu                                | 26 | Hương chữ Kỳ văn Đế                 |
| 3  | Hương chữ Tham thành Khoa                             | 27 | Hương chữ Trần văn Triều            |
| 4  | <del>Đại Hương</del> <sup>Hương Chữ</sup> Ngô văn Cầm | 27 | Hương chữ Nguyễn thành Hoàng        |
| 5  | Đại Hương cả Trần văn Ôn                              | 28 | Hương chữ Hải văn Mưu               |
| 6  | Đại Hương cả Võ văn Cầm                               | 30 | Hương chữ Tham văn Ngại             |
| 7  | cả hương Lâm Văn Nghĩa                                | 31 | Hương chữ Kỳ văn Thảo               |
| 8  | cả hương Hải văn Cầu                                  | 32 | Hương chữ Nguyễn văn Cầm            |
| 9  | cả hương Hải văn Lạc                                  | 33 | Hương chữ Phú văn Phú               |
| 10 | cả hương Lê Văn Hòa                                   |    | Đa Thành Xuân                       |
| 11 | cả hương Nguyễn Ngọc Cầu                              |    | Nguyễn văn Dũng                     |
| 12 | cả hương Nguyễn văn Tý                                | 34 | Hương hương Nguyễn văn Hòa          |
|    | cả Trương Đoàn văn Tiên                               | 35 | Hương hương Trần văn Khỏe           |
| 13 | Hương cả Lê văn Khánh                                 | 36 | Hương hương Lê văn Cát              |
| 14 | Hương cả Lương văn Tả                                 | 37 | Hương hương Võ văn Cầm              |
| 15 | Hương cả Trần văn Cầm                                 | 38 | Hương hương Kỳ văn Ra               |
| 16 | Hương cả Nguyễn văn Cho                               | 39 | Hương hương Bình văn Hải            |
| 17 | Hương cả Ngô văn Minh                                 | 40 | <del>Hương hương Cao Văn Khảm</del> |
| 18 | Hương cả Trương Hữu                                   |    |                                     |
| 19 | Hương cả Nguyễn thành Long                            | 41 | Hương chữ Trần văn Kỳ               |
| 20 | Hương cả Nguyễn văn Cầm                               | 42 | Hương chữ Lê văn Triều              |
| 21 | <del>Hương cả Trần văn Tiên</del>                     | 43 | Hương chữ Lâm Văn Tấn               |
| 22 | Hương cả Nguyễn văn Hên                               | 44 | Hương chữ Trương Văn                |
| 23 | Hương cả Trần văn Huy                                 | 45 | Hương chữ Lê Văn Chi                |
| 24 | Hương cả Lâm Hữu gia                                  |    | Võ Văn Minh Châu                    |
|    |   |    | Nguyễn Khắc Minh                    |

1882

Hàng 10, 2

SÁC THẦN-HÒANG BÌNH BÌNH-LONG  
ẤP TÂN-BÌNH PHƯỜNG HỮU-HÒA

TỰ HỮC HỮU-NHIÊN HẠM THỨ NĂM

THẬP NHỨT QUAT, NHỊ THẬP THỨ NHẤT, KỲ TƯỚNG  
HỮU-BÁC-ĐẾ DÂN, KHÂM TẠI CHI THẦN DỰNG CHỨNG PHƯỚC CHÁNH  
NGUYỄN BÌNH-LONG THÔN, T CỰU PHƯỜNG SỰ THẦN, MANG DIỆN  
NHIỆM THẦN HỮU KHẢ NHƯ GIA, TƯỚNG BÁC-AN CHÁNH THỰC, HỮU  
THIÊN NGHI THẦN, HỘ QUỐC TỶ NHIỆM TỶ LINH ƯNG KIM KHÔI  
SÁC BÌNH-LONG THẦN-HÒANG CHI THẦN, NGUYỄN TẠNG BÁC-AN  
CHÁNH THỰC HỮU THIÊN-CHI.

MIẾU HẠM ẤM ĐNG BÌNH-LONG.

Năm Bính Tý thên 1836 , Đệ Thập-Niên, Minh Mạng

Thứ 17. THƯỜNG VẠN-TÍNH Tổng-Chế Bộ Bốc, Phó Vệ-Binh

Chánh Văn, (CHA LÀ THƯỜNG VẠN-KIỆM)

Diện-tích đất đai : Bình Bình-Long  
theo Bộ Lễ 1 năm Cự vào.



Một ngôi nhà còn giữ nét xưa  
ở khu vực Chợ Đồn Cũ



Gốm Biên Hoà



*Chùa Long Thiên*



*Một Phụ Nữ  
Làng Bình Long*



*Nhà Hội Bưu Hòa*



*Đám Cưới Xưa*



*Cầu Gành*